

Số: 07/2019/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 25 tháng 3 năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2019

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2019.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 4 năm 2019. Quyết định này thay thế Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND tỉnh về ban hành quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2018 trên địa bàn tỉnh Phú Yên; các Quyết định của UBND tỉnh Phú Yên số: 42/2018/QĐ-UBND ngày 21/9/2018, số: 47/2018/QĐ-UBND ngày 19/10/2018, số: 58/2018/QĐ-UBND ngày 05/12/2018, số: 63/2018/QĐ-UBND ngày 14/12/2018, số: 67/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 ban hành Bảng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2018 trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3.** Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra và triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Chí Hiến**

## QUY ĐỊNH

### Hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2019

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND  
ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ để xác định giá đất cụ thể bằng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất, áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích đất ở vượt hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân. Tính tiền thuê đất đối với đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất, vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân.

b) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức mà phải nộp tiền sử dụng đất.

c) Tính tiền thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

d) Tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp cổ phần sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; tính tiền thuê đất đối với trường hợp doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

đ) Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm được chuyển sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê và phải xác định lại giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất tại thời điểm có quyết định cho phép chuyển sang thuê đất theo hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định.

e) Người mua tài sản được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại theo giá đất cụ thể, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án.

g) Đối với các trường hợp thuê đất thu tiền hàng năm mà phải xác định lại đơn giá thuê đất để điều chỉnh cho chu kỳ tiếp theo.

~~h) Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.~~

i) Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thuê khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

k) Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

l) Trường hợp được Nhà nước giao đất nhưng không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư thì người sử dụng đất phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất.

Đối với các trường hợp được quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, i, k Khoản này được áp dụng đối với các thửa đất hoặc khu đất có dự án có giá trị dưới 20 tỷ đồng (tính theo giá đất trong Bảng giá đất).

## 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thực hiện các nội dung có liên quan đến việc xác định giá đất cụ thể bằng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất nhóm đất phi nông nghiệp**

1. Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại đô thị (Chi tiết kèm theo Phụ lục 1).

2. Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại nông thôn (Chi tiết kèm theo Phụ lục 2).

3. Đối với loại đất thương mại, dịch vụ; loại đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ: hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0.

### **Điều 3. Hệ số điều chỉnh giá đất nhóm đất nông nghiệp**

1. Hệ số điều chỉnh giá đất trồng cây hàng năm

a) Hệ số điều chỉnh giá đất trồng lúa nước 2 vụ (Chi tiết kèm theo Phụ lục 3).

b) Hệ số điều chỉnh giá đất trồng cây hàng năm trừ đất trồng lúa nước 2 vụ (Chi tiết kèm theo Phụ lục 4).

2. Hệ số điều chỉnh giá đất trồng cây lâu năm (Chi tiết kèm theo Phụ lục 5).

3. Hệ số điều chỉnh giá đất rừng sản xuất (Chi tiết kèm theo Phụ lục 6).

4. Hệ số điều chỉnh giá đất nuôi trồng thủy sản (Chi tiết kèm theo Phụ lục 7).

5. Hệ số điều chỉnh giá đất làm muối (Chi tiết kèm theo Phụ lục 8).

### **Điều 4. Hệ số điều chỉnh giá đất các đảo**

Hệ số điều chỉnh giá đất các đảo (Chi tiết kèm theo Phụ lục 9).

### **Điều 5. Hệ số điều chỉnh giá đất các loại đất Chính phủ không quy định khung giá đất**

Đối với các loại đất mà Chính phủ không quy định khung giá đất thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0.

Các quy định khác không có trong Bảng hệ số điều chỉnh giá đất này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Chí Hiến**

**PHỤ LỤC 1**  
**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ**

(kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>I</b>	<b>Thành phố Tuy Hòa</b>				
<b>A</b>	<b>Các Phường 1, 2, 3,4, 5, 6, 7, 8, 9</b>				
<b>1</b>	<b>Đường Độc Lập: (toàn tuyến)</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>2</b>	<b>Đường Lê Duẩn: (toàn tuyến)</b>	1,6	1,4	1,4	1,4
<b>3</b>	<b>Đường Nguyễn Đình Chiểu</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>4</b>	<b>Đường Huyền Trân Công Chúa</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>5</b>	<b>Đường Nguyễn Chí Thanh</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>6</b>	<b>Đường Trường Chinh:</b>				
-	Đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Phù Đổng (công ký túc xá Trường Cao đẳng nghề)	1,5	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Trần Hào đến đường An Dương Vương	1,5			
<b>7</b>	<b>Đường Bà Triệu</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>8</b>	<b>Đại lộ Hùng Vương</b>				
-	Đoạn từ đường Bạch Đằng đến đường Nguyễn Công Trứ	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Trần Hưng Đạo	1,4			
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Trần Phú	1,6	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Lê Đài	1,6	1,4	1,4	1,4
<b>9</b>	<b>Đường Trần Nhật Duật:</b> Đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường Nguyễn Công Trứ	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>10</b>	<b>Đường Hai Bà Trưng</b>				
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường nội bộ Khu dân cư Rạch Bàu Hạ	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Điện Biên Phủ	1,4			
<b>11</b>	<b>Đường Trần Mai Ninh:</b> Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến nhà số 109/2 Chu Văn An	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>12</b>	<b>Đường Lê Quý Đôn</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>13</b>	<b>Đường Chu Văn An:</b> Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến giáp Sân vận động	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>14</b>	<b>Đường Trần Cao Vân:</b> Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lê Lợi	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>15</b>	<b>Đường Duy Tân:</b> Đoạn từ đường Bạch Đằng đến đường đường Điện Biên Phủ	1,5	1,4	1,4	1,4
<b>16</b>	<b>Đường Lương Văn Chánh</b>				
-	Đoạn từ phía Nam Trung tâm vòng tay âm Thành phố đến đường Nguyễn Huệ	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Điện Biên Phủ	1,5	1,4		
<b>17</b>	<b>Đường Phạm Hồng Thái</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>18</b>	<b>Đường Ngô Quyền</b>	1,4	1,4	1,4	1,4

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
19	<b>Đường Nguyễn Trãi:</b> Đoạn từ đường Bạch Đằng đến đường Nguyễn Huệ	1,4	1,4	1,4	1,4
20	<b>Đường Trần Bình Trọng</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
21	<b>Đường Trần Quý Cáp</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
22	<b>Đường Nguyễn Thái Học</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
23	<b>Đường Chu Mạnh Trinh</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
24	<b>Đường Huỳnh Thúc Kháng</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
25	<b>Đường Yersin</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
26	<b>Đường Phan Đình Phùng</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
27	<b>Đường Lê Thành Phương</b>				
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Trần Phú	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến đại lộ Nguyễn Tất Thành	1,4	1,4	1,4	1,4
28	<b>Đường Phan Bội Châu</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
29	<b>Đường Cao Thắng</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
30	<b>Đường Lê Trung Kiên</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
31	<b>Đại Lộ Nguyễn Tất Thành</b>				
-	Đoạn từ bắc cầu sông Chùa đến đường Trần Hưng Đạo	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến ranh giới Phường 8 và Phường 9	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ ranh giới Phường 8 và Phường 9 đến ranh giới Phường 9 và xã Bình Kiên	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn đường phía Tây từ đường Trần Phú đến hết Cửa hàng bia đối chứng 2 của Nhà máy bia Sài Gòn	1,4			
32	<b>Đường Nguyễn Trung Trực</b>				
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Nguyễn Bình Khiêm	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn còn lại	1,4	1,4	1,4	1,4
33	<b>Đất có mặt tiền tiếp giáp bến xe nội thành</b>	1,4			
34	<b>Khu vực cảng cá Phường 6</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
35	<b>Đường Bạch Đằng</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
36	<b>Đường Nguyễn Công Trứ</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
37	<b>Đường Tân Đà</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
38	<b>Đường Trần Hưng Đạo</b>				
-	Đoạn từ đường Độc Lập đến đường Lê Duẩn	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đại lộ Nguyễn Tất Thành	1,6	1,5	1,4	1,4
39	<b>Đường Nguyễn Trường Tộ</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
40	<b>Đường Lý Thái Tô</b>	1,5	1,4	1,4	1,4
41	<b>Đường Lý Thường Kiệt</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
42	<b>Đường Hồ Xuân Hương</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
43	<b>Đường Hoàng Diệu</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
44	<b>Đường Lê Thánh Tôn</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
45	<b>Đường Thành Thái:</b> Đoạn từ đường Duy Tân đến đường Lương Văn Chánh	1,4	1,4	1,4	
46	<b>Đường Lê Lai</b>	1,4			
47	<b>Đường Lê Lợi</b>	1,6	1,4	1,4	1,4

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
48	<b>Đường Nguyễn Du</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
49	<b>Đường Nguyễn Huệ</b>				
-	Đoạn từ đường Độc Lập đến đường Trường Chinh	1,6	1,5	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Lê Trung Kiên	1,6	1,5	1,4	1,4
50	<b>Đường Điện Biên Phủ (toàn tuyến)</b>	1,6	1,4	1,4	1,4
51	<b>Đường Hàm Nghi:</b> Đoạn từ đường nội bộ phía Đông công viên Nguyễn Huệ đến đường Lê Trung Kiên	1,4	1,4	1,4	1,4
52	<b>Đường Càn Vương:</b> Đoạn từ đường Lê Thành Phương đến Nguyễn Thái Học	1,4			
53	<b>Đường Lương Tấn Thịnh (toàn tuyến)</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
54	<b>Đường Nguyễn Văn Cừ (toàn tuyến)</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
55	<b>Đường Đồng Khởi</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
56	<b>Đường Phan Lưu Thanh</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
57	<b>Đường Nguyễn Thị Minh Khai</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
58	<b>Đường Lý Tự Trọng</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
59	<b>Đường Lê Hồng Phong</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
60	<b>Đường Mai Xuân Thưởng</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
61	<b>Đường Trần Phú</b>				
-	Đoạn từ đường Độc Lập đến đại lộ Nguyễn Tất Thành	1,6	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đại lộ Nguyễn Tất Thành đến đường vành đai thành phố	1,4	1,4	1,4	1,4
62	<b>Đường Hoàng Văn Thụ:</b> Đoạn từ đường Hùng Vương đến tuyến đường bao phía Tây khu dân cư Hưng Phú	1,5	1,4	1,4	1,4
63	<b>Tuyến đường bao phía Tây khu dân cư Hưng Phú</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
64	<b>Đường Phù Đổng</b>	1,4			
65	<b>Đường Trương Định (toàn tuyến)</b>	1,4			
66	<b>Đường Tây Sơn (toàn tuyến)</b>	1,4			
67	<b>Đường Lương Thế Vinh (toàn tuyến)</b>	1,5			
68	<b>Đường vào Công ty cổ phần An Hưng</b>	1,4			
69	<b>Đường Nguyễn Bình Khiêm</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
70	<b>Đường số 11 (toàn tuyến)</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
71	<b>Các trục đường thuộc khu dân cư Rạch Bàu Hạ:</b> Đường rộng 10mét-dưới 16mét; 6mét-dưới 10mét	1,4			
72	<b>Các trục đường thuộc khu dân cư Nguyễn Thái Học:</b> Đường rộng 10mét và 6mét	1,4			
73	<b>Các trục đường thuộc khu dân cư số 2 dọc đường Trần Phú:</b> Đường rộng 22,6mét; 12mét; 9mét; 8mét; 6mét	1,4			
74	<b>Các trục đường thuộc khu dân cư Nghị Trần</b> Đường rộng: 16mét; 10mét; 6mét-dưới 10mét	1,4			
75	<b>Các trục đường thuộc khu dân cư Cây Muồng:</b> Đường rộng: 12mét; 6mét-dưới 10mét	1,4			
76	<b>Các trục đường thuộc khu dân cư Hưng Phú:</b> Đường rộng 16mét; 10mét -13,5mét	1,5			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
77	<b>Xã lộ 20:</b> Đoạn từ khu Khoáng sản 5 đến giáp xã Hòa Kiến	1,3	1,3	1,3	1,3
78	<b>Đường Mậu Thân:</b> Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến giáp xã Bình Kiến	1,3	1,3	1,3	1,3
79	<b>Đường Nguyễn Hữu Thọ</b>	1,4	1,3	1,3	1,3
80	<b>Đường Tân Trào</b>	1,4			
81	<b>Đường Hà Huy Tập</b>	1,4			
82	<b>Đường Nguyễn Hào SỰ (toàn tuyến)</b>	1,4			
83	<b>Đường Phạm Ngọc Thạch</b>				
-	Đoạn từ đường Tô Hữu đến đường Nguyễn Hữu Thọ và đoạn còn lại	1,4			
84	<b>Đường Nguyễn Thế Bảo</b> (đường quy hoạch 16mét): Đoạn từ đường Phan Đăng Lưu đến đường Tô Hữu	1,4			
85	<b>Đường Trần Suyền</b> (quy hoạch 20mét)	1,4			
86	<b>Đường Tô Hữu:</b> Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Trần Suyền	1,4	1,3	1,3	1,3
87	<b>Đường Nguyễn Đức Cảnh:</b> Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường quy hoạch 16mét phía Tây khu dân cư Bộ đội Biên phòng	1,4	1,3	1,3	1,3
88	<b>Đường Phan Đăng Lưu</b>	1,4	1,3	1,3	1,3
89	<b>Đường rộng từ 6mét-dưới 10mét thuộc Khu dân cư Ninh Tĩnh 1, 2, Bộ đội Biên phòng</b>	1,4			
90	<b>Đường An Dương Vương</b>				
-	Đoạn từ đường Trường Chinh đến đường quy hoạch phía Tây rộng 16mét	1,4			
-	Đoạn từ đường số 01 đến đường N4	1,4			
91	<b>Đường Văn Cao:</b> Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Ngọc Thạch	1,4	1,3	1,3	1,3
92	<b>Đường Trần Hào</b>	1,4			
93	<b>Đường Lê Đài (toàn tuyến)</b>	1,4			
94	<b>Đường rộng 20mét thuộc Khu dân cư Công ty cổ phần xây dựng Phú Yên</b>				
-	Đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Chí Linh	1,4			
-	Đoạn từ đường Chi Lăng đến đường Nguyễn Văn Huyền	1,4			
95	<b>Đường Nguyễn Văn Huyền:</b>				
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến đường quy hoạch rộng 20mét (phía Bắc Trường Đại học Phú Yên)	1,5			
-	Đoạn từ đường quy hoạch rộng 20mét (phía Bắc Trường Đại học Phú Yên) đến đường Nguyễn Hữu Thọ	1,4			
-	Đoạn từ đường Nguyễn Hữu Thọ đến đường Trần Hào	1,4			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ đường Trần Hào đến đường An Dương Vương	1,4			
-	Đoạn từ đường An Dương Vương đến ranh giới Phường 9 và xã Bình Kiến	1,4			
96	<b>Đường Chí Linh:</b> Đoạn từ đường Trần Hào đến đường An Dương Vương	1,4			
97	<b>Đường Chi Lăng:</b> Đoạn từ đường Trần Hào đến đường An Dương Vương	1,4			
98	<b>Đường Nguyễn Mỹ:</b> Đoạn từ đường Chí Linh đến đường Chi Lăng	1,4			
99	<b>Đường Lưu Văn Liêu:</b> Đoạn từ đường Chí Linh đến đường Chi Lăng	1,4			
100	<b>Đường Nguyễn Hoa:</b> Đoạn từ đường Chí Linh đến đường Chi Lăng	1,4			
101	<b>Đường Trần Rịa:</b> Đoạn từ đường Chí Linh đến đường Chi Lăng	1,4			
102	<b>Trục đường rộng 13,5mét thuộc khu dân cư FBS</b>	1,4			
103	<b>Các trục đường thuộc khu tái định cư Phường 9:</b> Đường rộng 20mét; 16mét; 13mét; 10mét	1,3			
104	<b>Đường phía Tây Bệnh viện tỉnh</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
105	<b>Đường quy hoạch số 1 thuộc Khu dân cư phía Đông:</b> Đoạn từ đường Mai Xuân Thưởng đến đường Trần Phú	1,4			
106	<b>Đường Trần Quốc Toản:</b> Đoạn từ đường Nguyễn Huệ-hẻm số 17 Lê Lợi	1,4	1,4	1,4	1,4
107	<b>Các trục đường thuộc Khu trung tâm thương mại Vincom Tuy Hòa-Phú Yên và khu đất phía Bắc Trung tâm thương mại Vinom Tuy Hòa-Phú Yên</b>				
-	Các đường nội bộ rộng từ 10mét đến 13,5mét trong Khu trung tâm Thương mại Vinom Tuy Hòa-Phú Yên	1,5			
-	Các đường nội bộ rộng từ 10mét đến 13,5mét trong Khu đất 1,3ha phía Bắc Trung tâm thương mại Vincom Tuy Hòa-Phú Yên	1,5			
108	Khu dân cư 47 Nguyễn Trung Trực: Đường rộng 6mét	1,4			
109	<b>Các tuyến đường KDC khu vực đường Điện Biên Phủ (đoạn từ Hùng Vương-Nguyễn Trãi) và đường Nguyễn Trãi nối dài (đoạn từ Nguyễn Huệ đến Trần Phú)</b>				
-	Đường số 8A: Đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Điện Biên Phủ	1,4			
-	Đường D1, rộng 10mét	1,4			
-	Các tuyến đường nội bộ rộng 5mét	1,4			
110	<b>Khu tái định cư phục vụ dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2 tại Phường 9 và xã Bình Kiến; Khu tái định cư dự án đường Điện Biên Phủ giai đoạn 2,3; Khu tái định cư các</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	<b>tuyến đường ngang dự mở tại Phường 9</b>				
-	Trục đường N2 rộng 42mét (đoạn từ đường An Dương Vương đến Trần Nhân Tông)	1,4			
-	Đường số 1, đường D2, đường D4, đường D5, đường N3, đường N4 và các trục đường quy hoạch rộng 16mét, 12mét, 10mét	1,3			
<b>B</b>	<b>Khu vực phường Phú Lâm, phường Phú Thạnh, phường Phú Đông</b>				
<b>1</b>	<b>Đường Đinh Tiên Hoàng:</b> Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến công Nhà máy đóng tàu	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>2</b>	<b>Đường Nguyễn Hồng Sơn</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>3</b>	<b>Đường Bùi Thị Xuân:</b> Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến đường Võ Thị Sáu	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>4</b>	<b>Đường Phan Chu Trinh</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến đường Võ Thị Sáu	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến hết khu dự án Nhà ở Xã hội Nam Hùng Vương	1,3			
<b>5</b>	<b>Đường Kim Đồng:</b> Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến bê tường phía Tây nghĩa trang liệt sĩ	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>6</b>	<b>Đường 27 tháng 7</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>7</b>	<b>Đường Phạm Đình Quy:</b> Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến đường Võ Thị Sáu	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>8</b>	<b>Đường Thăng Long</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>9</b>	<b>Đường 3 tháng 2</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>10</b>	<b>Đường Lạc Long Quân:</b> Đoạn từ đại lộ Nguyễn Tất Thành đến đường Nguyễn Văn Linh	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>11</b>	<b>Đường Nguyễn Thị Định (toàn tuyến)</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>12</b>	<b>Đường Phạm Văn Đồng:</b> Đoạn từ đường Nguyễn Thị Định đến đường Lạc Long Quân	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>13</b>	<b>Đường Nguyễn Văn Linh</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>14</b>	<b>Đường Đoàn Thị Điểm:</b> Đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Chiến Thắng	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>15</b>	<b>Đường Đông Đa:</b> Đoạn từ đường Trần Rền đến giáp cầu sắt Hòa Thành	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>16</b>	<b>Đường Trần Rền (toàn tuyến)</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>17</b>	<b>Đường Nguyễn Anh Hào:</b> Đoạn từ đường Đoàn Thị Điểm đến giáp xã Hòa Thành	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>18</b>	<b>Đường Chiến Thắng</b>				
-	Đoạn từ giáp xã Hòa Thành, Đông Hòa đến đường Nguyễn Văn Linh	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến hết Khu dân cư chợ Phú Lâm	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>19</b>	<b>Đường Trần Kiệt</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>20</b>	<b>Đường Võ Thị Sáu</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>21</b>	<b>Yết Kiêu:</b> Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến đường	1,3	1,3	1,3	1,3

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đình Tiên Hoàng				
22	<b>Đường Ngô Gia Tự:</b> Đoạn từ đường Đình Tiên Hoàng đến Nguyễn Tất Thành	1,3	1,3	1,3	1,3
23	<b>Quốc lộ 1A:</b> Đoạn từ ranh giới huyện Đông Hòa đến đại lộ Nguyễn Tất Thành (nút giao thông QL1A)	1,3			
24	<b>Các trục đường thuộc Khu tái định cư phường Phú Đông:</b> Đường rộng trên 25mét; 20mét-25mét; 16mét-dưới 16mét; 12mét-dưới 12mét	1,3			
25	<b>Các trục đường thuộc khu nhà ở cho cán bộ LLVT thuộc Bộ CHQS tỉnh:</b> Đường rộng 16mét; 12mét; 10mét	1,3			
26	<b>Đường Hùng Vương:</b> Đoạn qua địa bàn phường Phú Đông	1,5			
27	<b>Khu khép kín KDC khu phố 4, phường Phú Thạnh</b>	1,3			
28	<b>Đại lộ Nguyễn Tất Thành:</b> Đoạn từ nút giao thông Quốc lộ 1A-Nam cầu Đà Rằng	1,3			
29	<b>Đường dọc biển từ Đại lộ Hùng Vương đến giáp xã Hòa Hiệp Bắc</b> (dự kiến đặt tên đường Võ Nguyên Giáp)	1,3			
30	<b>Khu đất nhà ở cho chiến sỹ lực lượng vũ trang Công an tỉnh tại phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa:</b> Các trục đường quy hoạch rộng 25mét; 16mét; 7mét	1,3			
31	<b>Khu đất nhà ở cán bộ lực lượng vũ trang thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh tại phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa:</b> Các trục đường quy hoạch rộng 12mét; 10mét	1,3			
32	<b>Các trục đường thuộc dự án Nhà ở xã hội Nam Hùng Vương:</b> Đường quy hoạch rộng 42mét (đoạn từ đường Phan Chu Trinh đến đường Nguyễn Hồng Sơn) và các trục đường quy hoạch rộng 16mét; 12mét; 11mét	1,3			
33	<b>Đường Cao Bá Quát:</b> Đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến giáp đường Trần Rén	1,3			
34	<b>Khu dân cư phía Bắc khu đô thị mới Nam thành phố Tuy Hòa:</b> Tuyến đường quy hoạch rộng 42mét; 31mét; 25mét; 15,5mét	1,5			
35	<b>Khu dân cư cơ sở nhà hát nhân dân huyện Tuy Hòa và Khu tập thể huyện Đoàn Tuy Hòa (cũ) tại phường Phú Lâm:</b> Các trục đường quy hoạch rộng 12mét; 7,5mét	1,3			
36	<b>Khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn phục vụ dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2 (khu đất số 1 và 3), khu đất số 1 tại phường Phú Đông, Phú Thạnh</b>				
-	Đường Phan Chu Trinh	1,3			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Các trục đường quy hoạch rộng 25mét, 20mét, 16mét	1,3			
37	<b>Khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn phục vụ dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2 (khu đất số 1 và 3), khu đất số 3 tại phường Phú Đông, Phú Thạnh</b>				
-	Tuyên đường Hùng Vương nội dài rộng 42mét	1,3			
-	Các trục đường quy hoạch rộng 20mét, 12,5mét	1,3			
38	<b>Khép kín KDC tại Khu phố 4, phường Phú Thạnh</b>				
-	Các trục đường quy hoạch rộng 25mét, 12mét	1,3			
39	<b>Khu tái định cư để di dời các hộ dân ảnh hưởng bởi triều cường tại phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa</b>				
-	Đường quy hoạch rộng 42mét	1,3			
-	Đường N1 và các đường quy hoạch rộng 20mét	1,3			
-	Đường N2 và các đường quy hoạch rộng 16mét	1,3			
-	Đường N3, đường N4, đường N5, đường N6, đường N7, đường N9, đường D2 và các đường quy hoạch rộng 12,5mét	1,3			
-	Đường N8, đường N10 và các đường quy hoạch rộng 9mét	1,3			
<b>II</b>	<b>Thị xã Sông Cầu (đô thị loại IV)</b>				
<b>1</b>	<b>Quốc lộ 1</b>				
1.1	Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Phương đến giáp đường vào bãi rác thị xã Sông Cầu	1,3	1,3	1,0	1,0
1.2	Đường vào bãi rác thị xã Sông Cầu đến giáp tuyến tránh Quốc lộ 1 (phía Bắc)	1,4	1,3	1,2	1,0
1.3	Đoạn từ Nam tuyến tránh Quốc lộ 1 đến giáp Bắc cầu Huyện	1,1	1,1	1,0	1,0
1.4	Đoạn từ Nam cầu Huyện đến giáp đến giáp Nam chân đèo Gành Đò	1,2	1,1	1,1	1,0
1.5	Đoạn từ phía Nam chân đèo Gành Đò đến giáp cổng đường vào khu phố Bình Thạnh (trừ khu dân cư An Bình Thạnh đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật)	1,2	1,2	1,1	1,0
1.6	Đoạn từ Cổng khu phố Bình Thạnh đến giáp ranh huyện Tuy An	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Đường tuyến tránh Q1 1</b>				
-	Đoạn từ đầu tuyến tránh (phía Bắc) đến giáp chùa Long Quang	1,3	1,2	1,2	1,0
-	Đoạn từ chùa Long Quang đến giáp ngã 3 tuyến tránh Quốc lộ 1 (phía Nam)	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Đường Phạm Văn Đồng</b>				
3.1	Đoạn từ giáp tuyến tránh Quốc lộ 1 đến phía Bắc cầu Tam Giang cũ	1,3	1,3	1,3	1,1
3.2	Đoạn từ Nam cầu Tam Giang đến Bắc cầu vượt	1,3	1,1	1,1	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
3.3	Đoạn từ Nam cầu vượt đến đỉnh dốc Găng (giáp đường bê tông lên Cao Phong)	1,2	1,1	1,1	1,0
3.4	Đoạn từ đỉnh dốc Găng (giáp đường bê tông lên Cao Phong) đến giáp Nam tuyến tránh Quốc lộ 1	1,1	1,0	1,0	1,0
4	<b>Đường Hùng Vương</b>	1,3	1,3	1,3	1,2
5	<b>Đường 1 tháng 4</b>	1,3	1,3	1,3	1,2
6	<b>Đường ĐT644</b> (Đường 1 tháng 4-đoạn từ giáp tuyến tránh Quốc lộ 1 đến giáp ranh xã Xuân Lâm)	1,3	1,3	1,3	1,2
7	<b>Đường Trần Hưng Đạo</b>	1,3	1,3	1,3	1,2
8	<b>Đường Lê Lợi:</b> Đoạn từ giáp dự án khu A đến giáp đường Phạm Văn Đồng và các đoạn còn lại	1,3	1,3	1,3	1,2
9	<b>Đường Nguyễn Huệ</b>	1,3	1,3	1,3	1,2
10	<b>Đường Bùi Thị Xuân</b>	1,3	1,3	1,3	1,2
11	<b>Đường Phan Đình Phùng</b>	1,3	1,3	1,3	1,2
12	<b>Đường Phan Bội Châu</b>	1,3	1,3	1,3	1,2
13	<b>Đường Hai Bà Trưng:</b> Đoạn từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến giáp Trụ sở Công an thị xã	1,3	1,3	1,3	1,3
14	<b>Đường Lương Văn Chánh</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
15	<b>Đường Trần Bình Trọng</b>				
15.1	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến giáp đường Lương Văn Chánh	1,3	1,3	1,3	1,3
15.2	Đoạn còn lại	1,3	1,3	1,3	1,2
16	<b>Đường Ngô Quyền</b>	1,3	1,3	1,3	1,2
17	<b>Đường Lê Thành Phương</b>	1,3	1,3	1,3	1,2
18	<b>Đường Hoàng Hoa Thám</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
19	<b>Đường Võ Thị Sáu</b>	1,3	1,3	1,3	1,2
20	<b>Đường Lý Thường Kiệt</b>	1,3	1,3	1,2	1,1
21	<b>Đường Nguyễn Hồng Sơn</b>				
-	Đoạn giáp đường Phạm Văn Đồng đến Lăng Bà	1,3	1,1	1,1	1,0
-	Đoạn từ Lăng Bà đến giáp Quốc lộ 1	1,1	1,1	1,1	1,0
22	<b>Đường Triệu Thị Trinh</b> (Đường quy hoạch 6-1)	1,3	1,3	1,2	1,2
23	<b>Đường Phan Chu Trinh</b> (Đường quy hoạch 6-2)	1,3	1,3	1,2	1,2
24	<b>Đường Trần Quốc Toản</b> (Đường quy hoạch 6-3)	1,3	1,3	1,2	1,2
25	<b>Đường Kim Đồng</b>	1,2	1,2	1,2	1,0
26	<b>Đường ĐT642:</b> Đoạn giáp Quốc lộ 1A đến ngã ba trong	1,1	1,1	1,1	1,0
27	<b>Đường Lê Hồng Phong:</b> Đoạn giáp đường Hoàng Hoa Thám đến giáp đường gom tuyến tránh Quốc lộ 1 và đoạn còn lại	1,3	1,3	1,3	1,3
28	<b>Đường Nguyễn Văn Linh:</b> Đoạn từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến đập Đá Vải	1,3	1,3	1,3	1,3
29	<b>Đường Yết Kiêu</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
30	<b>Đường Lê Duẩn:</b> Đoạn từ giáp dự án khu A & B đến giáp đập Đá Vải	1,3	1,3	1,3	1,3

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
31	<b>Đường Nguyễn Viết Xuân</b>	1,3			
32	<b>Đường Tô Hiến Thành</b>	1,3			
33	<b>Đường Lê Văn Tám (khu dân cư Nam Nguyễn Hồng Sơn)</b>	1,2			
34	<b>Khu dân cư Nam Nguyễn Hồng Sơn: Đường rộng 3mét, 6mét</b>	1,2			
35	<b>Khu dân cư Tây Dân Phước</b>	1,2			
36	<b>Khu dân cư An Bình Thạnh, phường Xuân Đài (giai đoạn 1, đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật)</b>				
36.1	<b>Ô phố B: Đường rộng 12mét; 16mét; 25mét; Quốc lộ 1</b>	1,3			
36.2	<b>Ô phố J : Đường rộng 6mét; 12mét; 16mét</b>	1,0			
36.3	<b>Ô phố I: Đường rộng 12mét; 16mét; 25mét; Quốc lộ 1</b>	1,3			
36.4	<b>Ô phố E: Đường rộng 12mét; 25mét; Quốc lộ 1</b>	1,3			
37	<b>Khu dân cư An Bình Thạnh, phường Xuân Đài (giai đoạn 2, sau khi hoàn thành)</b>				
37.1	<b>Ô phố F: Đường rộng 25mét</b>	1,0			
37.2	<b>Ô phố D: Đường rộng 16mét</b>	1,0			
37.3	<b>Ô phố G: Các đường thuộc ô phố G</b>	1,0			
37.4	<b>Ô phố H:</b>				
-	Đường rộng 20mét (đất dịch vụ)	1,0			
37.5	<b>Ô phố K: Các đường thuộc ô phố K</b>	1,0			
37.6	<b>Ô phố L:</b>				
-	Đường rộng 20mét (đất dịch vụ)	1,0			
38	<b>Khu dân cư Sân khấu lộ thiên</b>				
38.1	<b>Đường rộng 14mét</b>				
-	Các đường Hồng Bàng, Âu Cơ, Lạc Long Quân	1,4			
38.2	<b>Đường rộng 14mét còn lại</b>				
-	<b>Đường Mạc Đĩnh Chi (Khu E: từ lô E1 đến lô E14)</b>	1,4			
38.3	<b>Đường rộng 16mét</b>				
-	<b>Đường Nguyễn Thị Minh Khai (Khu B: từ lô B1 đến lô B8, Khu D: từ lô D1 đến lô D5; Khu F: từ lô F15 đến lô F19 và khu E: từ lô E15 đến lô E17)</b>	1,4			
39	<b>Dự án Khu dân cư đường nội thị dọc bờ biển thị xã Sông Cầu (khu A và khu B sau khi được đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được duyệt)</b>				
-	Các lô tiếp giáp đường rộng 26,5mét; 25mét; 20mét; 16mét; 14mét; 12 mét	1,5			
40	<b>Khu dân cư Phước Lý</b>				
40.1	Khu D, C, E, G: Các lô tiếp giáp đường bê tông rộng 5mét	1,3			
40.2	Khu A, B, C, D: Các lô tiếp giáp trục đường rộng 20mét	1,3			
40.3	Các lô tiếp giáp trục đường nội bộ rộng 5mét	1,3			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>41</b>	<b>Khu dân cư phía Đông sân thể thao cơ bản thị xã Sông Cầu</b>				
-	Các đường rộng 12mét; 8mét	1,3			
<b>42</b>	<b>Khu dân cư Phú Vinh, phường Xuân Đài</b>	1,1			
<b>43</b>	<b>Khu dân cư Sở Canh Nông, phường Xuân Đài: Đường rộng 4mét</b>	1,1			
<b>44</b>	<b>Khu tái định cư Quốc lộ 1, Chánh Nam-Khoan Hậu, phường Xuân Đài: Các đường phía Tây; đường số: 1, 2, 10 và 11</b>	1,0			
<b>45</b>	<b>Khu tái định cư Quốc lộ 1, xóm Mới, khu phố An Thạnh, phường Xuân Đài: Các đường N1, N2, D1 và D2</b>	1,3			
<b>46</b>	<b>Khu tái định cư Quốc lộ 1, xóm Cồn (đoạn từ Bắc đường Đài Loan-Việt Nam đến Lãng), phường Xuân Đài: Các đường rộng 16mét, 12mét</b>	1,2			
<b>47</b>	<b>Khu tái định cư Quốc lộ 1, Lệ Uyên Đông, phường Xuân Yên: Các đường số 1, 2</b>	1,0			
<b>48</b>	<b>Đường Đoàn Thị Điểm</b>				
-	Đoạn từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến giáp đường Võ Thị Sáu	1,4	1,3	1,1	1,1
-	Đoạn từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến giáp nhà ông Phạm Văn Cầu	1,3	1,3	1,1	1,1
<b>49</b>	<b>Khu dân cư Phương Lưu Đông, phường Xuân Đài (sau khi được đầu tư xây dựng hạ tầng)</b>				
-	Đường ven vịnh Xuân Đài (đoạn qua khu dân cư Phương Lưu Đông)	1,1			
-	Đường quy hoạch rộng 10mét	1,1			
<b>50</b>	<b>Khu dân cư Đông Mặn, phường Xuân Đài (sau khi được đầu tư xây dựng hạ tầng)</b>				
-	Đường giao thông Sở Canh Nông-Chợ cá Triều Sơn (đoạn qua khu dân cư Đông Mặn); các đường quy hoạch D1, D2, D3 (đoạn từ đường giao thông Sở Canh Nông-Chợ cá Triều Sơn đến đường N1)	1,1			
-	Các đoạn còn lại	1,1			
<b>51</b>	<b>Điểm dân cư An Thạnh, phường Xuân Đài (sau khi đầu tư hạ tầng xong)</b>				
-	Đường quy hoạch rộng 12mét	1,2			
-	Đường quy hoạch rộng 6mét	1,2			
<b>52</b>	<b>Khu dân cư phía Nam kè Sông Tam Giang, phường Xuân Phú (sau khi đầu tư xong hạ tầng)</b>				
-	Đường quy hoạch rộng 16mét	1,3			
<b>III</b>	<b>Thị trấn Chí Thạnh-huyện Tuy An</b>				
<b>1</b>	<b>Quốc lộ 1</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã An Cư đến giáp cầu Đông Sa	1,4	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Đông Sa đến điểm giao phía Nam cầu	1,4	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	vượt				
-	Đoạn từ điểm giao phía Nam cầu vượt đến chân cầu vượt phía Bắc	1,5	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ chân cầu vượt phía Bắc đến cầu Ngân Sơn	1,4	1,1	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Đường Lê Thành Phương</b>				
-	Đoạn từ Ga Chí Thạnh đến Quốc lộ 1	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ QL1 đến Giếng nông sản	1,5	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ Giếng nông sản đến giáp ranh xã An Định	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Đường Trần Phú</b>				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1 (KP-Trường Xuân) đến đường Ngân Sơn-Chí Thạnh	1,4	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Ngân Sơn-Chí Thạnh đến đường Trần Rịa	1,5	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Rịa đến công hợp (KP-Long Bình)	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ công hợp khu phố Long Bình đến Quốc lộ 1 (KP-Chí Đức)	1,6	1,3	1,1	1,0
<b>4</b>	<b>Đường Hải Dương:</b>				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngân Sơn-Chí Thạnh	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ Ngân Sơn-Chí Thạnh đến ngã tư Lê Thành Phương	1,4			
<b>5</b>	<b>Đường Ngân Sơn Chí Thạnh</b>	1,4	1,2	1,0	1,0
<b>6</b>	<b>Đường Võ Trứ</b>				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường Hải Dương	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Hải Dương đến đường Ngân Sơn Chí Thạnh	1,4	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Ngân Sơn-Chí Thạnh đến đường Lê Thành Phương	1,5			
<b>7</b>	<b>Đường Nguyễn Mỹ</b>	1,3	1,0	1,0	1,0
<b>8</b>	<b>Đường Ô Loan</b>	1,4			
<b>9</b>	<b>Đường Nguyễn Hoa</b>	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>10</b>	<b>Đường Trần Rịa</b>				
-	Đoạn từ đường Lê Thành Phương đến đường Trần Phú	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến Quốc lộ 1	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>11</b>	<b>Đường Nguyễn Thị Loan</b>	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>12</b>	<b>Đường Châu Kim Huệ</b>				
-	Đoạn từ đường Trần Rịa đến Nhà máy xay xát cũ	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Nhà máy xay xát cũ đến A20	1,3	1,0	1,0	1,0
<b>13</b>	<b>Đường từ Quốc lộ 1 đến công nhà máy nước (KP-Trường Xuân)</b>	1,4	1,2	1,0	1,0
<b>14</b>	<b>Đường Long Đức đi An Lĩnh</b>				
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến bến Ngựa (quán Khánh Nguyên)	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bến Ngựa (quán Khánh Nguyên) đến giáp ranh xã An Lĩnh	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>15</b>	<b>Đường Trần Rịa-chùa Long Bình đến đường Trần Phú</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ đường Trần Rịa đến dốc Mít (nhà bà Lý Thị Mỹ)	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ dốc Mít (nhà bà Lý Thị Mỹ) đến đường Trần Phú	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>16</b>	<b>Khu dân cư đồng Gò Méc</b>				
-	Đường rộng $\geq$ 6mét	1,6	1,2		
-	Đường rộng < 6mét	1,5	1,2		
<b>17</b>	<b>Đường từ Quốc lộ 1 (ngã ba cây Keo) đến cầu Lò Gốm (cũ)</b>	1,3	1,0	1,0	1,0
<b>18</b>	<b>Đường khu tái định cư đi vào giáp chợ Ngân Sơn</b>	1,3	1,0		
<b>19</b>	<b>Đoạn từ Quốc lộ 1 đến cầu Lò Gốm (mới)</b>	1,6	1,3	1,0	1,0
<b>20</b>	<b>Khu dân cư đường Trần Phú</b>				
-	Các đường số: 3, 4	1,6			
-	Các đường số: 13, 14	1,7			
-	Các đường số: 10, 11 và 16	1,5			
<b>21</b>	<b>Đường số 7</b>	1,6			
<b>22</b>	<b>Khu tái định cư khu phố Chí Đức</b>				
-	Các đường số: 1, 2, 3, 4, 5 và 6	1,3			
<b>IV</b>	<b>TT Phú Hòa-huyện Phú Hòa</b>				
<b>1</b>	<b>Quốc lộ 25:</b>				
-	Đoạn từ ranh giới Hòa Thắng đến Km11+700	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km11+700 đến Ga Đèo	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Ga Đèo đến ranh giới xã Hòa Định Tây	1,3	1,0	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Đường liên xã Hòa An, Hòa Thắng, thị trấn Phú Hòa: Đoạn từ ranh giới Hòa Thắng đến Quốc lộ 25</b>	1,3	1,0	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Đường Đông Tây, Nam-Bắc thị trấn Phú Hòa</b>				
-	Đường Đông-Tây	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường Nam-Bắc	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Ga Đèo đến giáp đường bao phía Đông (đường mặt cắt 4-4)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp đường bao phía Đông đến nhà ông Đặng (đường mặt cắt 4-4)	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Đường nội bộ trong khu dân cư N03, N07 và tái định cư N09</b>				
-	Đường rộng từ 11,5mét trở lên	1,0			
-	Đường rộng dưới 11,5mét	1,0			
<b>5</b>	<b>Các đoạn đường còn lại:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>V</b>	<b>TT Hòa Vinh-huyện Đông Hòa</b>				
<b>1</b>	<b>Quốc lộ 1A</b>				
-	Đoạn từ ranh giới phường Phú Lâm đến giao đường Gò Mầm-Đông Mỹ	1,7	1,5	1,2	1,1
-	Đoạn từ giao đường Gò Mầm-Đông Mỹ đến Trường PTTH Lê Trung Kiên	1,7	1,5	1,2	1,1

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ Trường PTTH Lê Trung Kiên đến công viên hóa Khu phố 4	1,7	1,5	1,2	1,1
-	Đoạn từ công viên hóa Khu phố 4 đến cầu Bàn Thạch cũ	1,5	1,3	1,2	1,1
<b>2</b>	<b>Quốc lộ 29:</b>				
-	Đoạn từ ngã ba Cây Bàng đến đường bê tông công viên hóa Khu phố 3	1,8	1,4	1,1	1,0
-	Đoạn từ đường bê tông công viên hóa Khu phố 3 đến ranh giới thị trấn Hòa Hiệp Trung	1,7	1,4	1,1	1,0
<b>3</b>	<b>Khu tái định cư số 1:</b> Các đường rộng 20,5mét; 15,5mét; 12mét	1,6			
<b>4</b>	<b>Khu dân cư số 5 (đọc Q11)</b> đường rộng 10mét	1,5			
<b>5</b>	<b>Khu dân cư số 2</b> các đường N2, D2 và N2.1	1,8			
<b>6</b>	Đường D2.1 rộng 15,5mét (từ đường D2 đến đường N4-A)	1,8			
<b>7</b>	Đường D2 rộng 15,5mét (từ đường N2 đến hết D2)	1,8			
<b>8</b>	Khu dân cư Vườn Mít: Đường bê tông rộng 7mét; 8mét	1,5			
<b>9</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong thị trấn</b>				
-	Khu vực 1	1,6	1,3	1,1	1,1
-	Khu vực 2	1,4	1,2	1,1	1,1
<b>10</b>	<b>Khu dân cư phố chợ Hòa Vinh</b>				
-	Đường rộng 36mét	1,0			
-	Đường rộng 20,5mét	1,0			
-	Đường rộng 18,5mét	1,0			
-	Đường rộng 15,5mét	1,0			
-	Đường rộng 12mét	1,0			
<b>11</b>	<b>Khu dân cư số 6</b>				
1.1	Đường Đỗ Như Dạy	1,0			
1.2	Đường Lý Thường Kiệt	1,0			
-	Đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến khu dân cư Tam gia (rộng 20,5mét)	1,0			
-	Đoạn từ khu dân cư Tam Gia đến Quốc lộ 1 (rộng 15,5mét)	1,0			
1.3	Các đường trong khu dân cư (rộng 12mét)	1,0			
<b>12</b>	<b>Đường Nguyễn Tất Thành (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cầu Bến Lớn)</b>	1,1			
<b>13</b>	<b>Đường Quốc lộ 29 (đoạn từ Quốc lộ 1 đến giáp xã Hòa Tân Đông)</b>	1,0			
<b>VI</b>	<b>TT Hòa Hiệp Trung-huyện Đông Hòa</b>				
<b>1</b>	<b>Đường liên huyện:</b> Đoạn từ ranh giới xã Hòa Hiệp Bắc đến nhà ông Lê Đình Chuyên (Cửa hàng xăng dầu)	1,7	1,4	1,2	1,0
<b>2</b>	<b>Quốc lộ 29</b>				
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn Hòa Vinh đến Cầu Bi	1,6	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu Bi đến giáp đường liên huyện nhà ông Lê Đình Chuyên (Cửa hàng xăng dầu)	1,6	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường liên huyện nhà ông Lê Đình	1,7	1,5	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Chuyên (Cửa hàng xăng dầu) đến công chào khu phố Phú Hòa				
-	Đoạn từ công chào khu phố Phú Hòa đến ranh giới xã Hòa Hiệp Nam	1,5	1,3	1,0	1,0
3	<b>Đường liên khu phố:</b> Đoạn đường từ Quốc lộ 29 (nhà ông Phan Nghị) đến tuyến đường ven biển đi Vũng Rô	1,6	1,3	1,0	1,0
4	<b>Khu tái định cư tại khu phố Phú Hiệp 3 (giai đoạn 1):</b> Đường gom tiếp giáp Tiểu Dự án 3 (rộng 20,5mét); đường rộng 25mét, 16mét, 12mét	1,7			
5	<b>Khu dân cư Khu công nghiệp Hòa Hiệp</b> (phục vụ tái định cư) Các đường rộng 25mét; 18mét; 16mét; 12mét	1,7			
6	<b>Tuyến đường ven biển (đại lộ Hùng Vương)</b> Đoạn đường từ ranh giới xã Hòa Hiệp Bắc đến ranh giới xã Hòa Hiệp Nam	1,9			
7	<b>Điểm dân cư Phú Hiệp 3</b>				
-	Đường rộng 25mét, 16mét	1,4			
-	Đường rộng 12mét	1,3			
-	Đường rộng 6mét	1,2			
8	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong thị trấn</b>				
-	Khu vực 1	1,6	1,3	1,2	1,0
-	Khu vực 2	1,4	1,2	1,2	1,0
<b>VII</b>	<b>TT Phú Thứ-huyện Tây Hòa</b>				
1	<b>Quốc lộ 29</b>				
-	Từ Ga Gò Mâm đến Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	1,5	1,5	1,5	1,5
-	Đoạn từ Trường Nguyễn Thị Minh Khai đến giáp ranh xã Hòa Phong	1,5	1,5	1,5	1,5
2	<b>Đường ĐT645</b>				
	Đoạn từ Ga Gò Mâm đến nhà ông Trọng	1,2	1,0	1,0	1,0
	Đoạn từ nhà ông Trọng đến giáp ranh xã Hòa Bình 1	1,2	1,0	1,0	1,0
3	<b>Đường liên xã Phú Thứ-Hòa Thịnh:</b>				
-	Đoạn từ cầu Phú Thứ đến Vũng Trắng	1,7	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Vũng Trắng đến giáp ranh xã Hòa Đồng	3,0	2,5	1,3	1,1
4	<b>Khu tái định cư thị trấn Phú Thứ:</b>				
-	Các đường số: 16 (NB2-1), 6 (NB2-2), 10, 5 (ĐT1-1), ĐT1-2, 4, 9 (N6), 7, 1, 3, 8, 12, 14	1,2			
5	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong thị trấn:</b>				
-	Khu vực 1	2,0	2,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,5	1,2	1,0	1,0
<b>VIII</b>	<b>TT Hai Riêng-Sông Hinh</b>				
1	<b>Đường Quốc lộ 29 (ĐT645 cũ)</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã EaBia đến cầu Buôn Thô (Trần Hưng Đạo)	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trụ sở quản lý đường bộ đến giáp Trạm y tế thị trấn	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trạm y tế thị trấn đến ngã ba đi Buôn	1,2	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Ken				
-	Đoạn từ ngã ba đi Buôn Ken đến giáp ranh giới xã Ea Bar	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Đường Trần Hưng Đạo:</b>				
-	Đoạn từ cầu Buôn Thô đến Chi nhánh Điện Sông Hinh	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Chi nhánh Điện Sông Hinh đến giáp Huyện Đội	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Huyện Đội đến ngã ba Hoàng Hoa Thám	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Hoàng Hoa Thám đến đường hẻm (đường cứu hỏa giáp ranh Quán cà phê Thảo Nguyên)	1,6	1,3	1,1	1,0
-	Đoạn từ đường hẻm (đường cứu hỏa) đến đường Hồ Xuân Hương (gộp đoạn từ ranh nhà số 44 Trần Hưng Đạo (nhà ông Vượng) đến ngã ba đường Trần Phú và đoạn từ ngã ba đường Trần Phú đến đường Hồ Xuân Hương)	1,4	1,1	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Đường Lê Lợi:</b>				
-	Đoạn từ ngã tư đường Trần Hưng Đạo đến giáp ngã ba đường Hai Bà Trưng	1,6	1,3	1,1	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường Hai Bà Trưng đến giáp ngã ba đường Hoàng Văn Thụ	1,5	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường Hoàng Văn Thụ đến giáp Trụ sở quản lý đường bộ	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Đường Nguyễn Trãi:</b>				
-	Đoạn từ ngã tư đường Trần Hưng Đạo đến giáp ngã ba Nguyễn Công Trứ	1,5	1,2	1,1	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường Nguyễn Công Trứ đến đường Nguyễn Đình Chiểu	1,4	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến giáp ngã ba đường Nơ Trang Long	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường Nơ Trang Long đến giáp đường Nguyễn Huệ	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>5</b>	<b>Đường Trần Phú:</b>				
-	Đoạn từ Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Văn Trỗi	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Trỗi cầu tràn suối Bệnh viện	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>6</b>	<b>Đường Nguyễn Huệ</b>	1,3	1,0	1,0	1,0
<b>7</b>	<b>Đường Hồ Xuân Hương</b>	1,3	1,0	1,0	1,0
<b>8</b>	<b>Đường Nguyễn Văn Trỗi</b>	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>9</b>	<b>Đường Nguyễn Công Trứ:</b>				
-	Đoạn từ ngã ba Nguyễn Trãi đến giáp ngã ba Lương Văn Chánh	1,5	1,2	1,1	1,0
-	Đoạn từ Lương Văn Chánh đến giáp đường Nguyễn Văn Cừ	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>10</b>	<b>Đường Lương Văn Chánh:</b>				
-	Đoạn từ đường Nguyễn Công Trứ đến giáp	1,5	1,2	1,1	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	đường Trần Hưng Đạo				
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo-giáp ngã tư đường Ngô Quyền	1,4	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư đường Ngô Quyền đến giáp ngã tư đường Hai Bà Trưng	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư Hai Bà Trưng đến cổng số 2	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>11</b>	<b>Đường Hai Bà Trưng:</b>				
-	Đoạn từ ngã ba Lê Lợi đến giáp ngã tư Lương Văn Chánh	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư Lương Văn Chánh đến giáp đường Hồ Xuân Hương	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>12</b>	<b>Đường Ngô Quyền</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>13</b>	<b>Đường Lý Thường Kiệt</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>14</b>	<b>Đường Bà Triệu</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>15</b>	<b>Đường Hoàng Văn Thụ</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>16</b>	<b>Đường Lê Thành Phương</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>17</b>	<b>Đường Hoàng Hoa Thám:</b>				
-	Đoạn từ ngã ba Trần Hưng Đạo đến giáp đường Nguyễn Đình Chiểu	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến đường vào nhà Rông Buôn Hai Riêng	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường vào nhà Rông Buôn Hai Riêng đến cầu Ea Bia	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>18</b>	<b>Đường Nguyễn Đình Chiểu</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>19</b>	<b>Đường Chu Văn An</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>20</b>	<b>Đường Lê Quý Đôn</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>21</b>	<b>Đường Tuệ Tĩnh</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>22</b>	<b>Đường từ ngã ba Tuệ Tĩnh đi đến giáp đường Nơ Trang Long (khu mới quy hoạch)</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>23</b>	<b>Đường Nơ Trang Long</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>24</b>	<b>Đường QL19C (ĐT649cũ)</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Đức Bình Tây đến giáp khu dân cư Khu phố 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ khu dân cư Khu phố 1 đến giáp đường Quốc lộ 29 (ĐT645)	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>25</b>	<b>Đường đi buôn H'KLóc, xã Ea Bia</b>				
-	Đoạn từ ngã ba Trần Hưng Đạo đến giáp ranh xã Ea Bia	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>26</b>	<b>Đường Võ Trứ:</b> Đoạn từ ngã ba Trần Hưng Đạo đến ngã ba đường Lê Lợi (đường Hoàng Hòa Thám đoạn từ Trần Hưng Đạo đến nhà ông Chu Văn Năng)	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>27</b>	<b>Đường từ ngã ba đường Nguyễn Văn Trỗi đến giáp đường Hồ Xuân Hương</b>	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>28</b>	<b>Các đoạn đường trong khu dân cư Khu phố 3 mới QH</b>	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>29</b>	<b>Đường khu dân cư Khu phố 7:</b> Đoạn từ ngã ba Trần Hưng Đạo đến ngã ba Võ Trứ	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>30</b>	<b>Đường khu dân cư Khu phố 8:</b>				
-	Đoạn từ ngã ba Lê Lợi đi khu vực Lam Sơn đến nhà ông Báu (tính hết đường bê tông)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Lê Lợi đi hướng đường Lương Văn Chánh nối dài đến nhà bà Ngân (tính hết đường bê tông)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 29 đến hết đất phân Trường Tiểu học Khu phố 8	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>31</b>	<b>Các đoạn đường còn lại trong thị trấn</b>	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>32</b>	<b>Đất ở các Buôn thuộc thị trấn</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>IX</b>	<b>TT Củng Sơn-huyện Sơn Hòa</b>				
<b>1</b>	<b>Đường Trần Phú</b>				
-	Đoạn từ bờ Sông Ba đến giao đường 24/3	1,6	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư giao đường 24/3 đến mương thủy lợi nhà ông Bình	1,7	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ mương thủy lợi (nhà ông Hạnh) đến đường Trần Hưng Đạo	1,7	1,3	1,0	1,0
-	Đoạn từ giao đường Trần Hưng Đạo đến ranh giới xã Suối Bạc	1,6	1,2	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Đường Nguyễn Chí Thanh</b>				
-	Đoạn từ đường lên Hòn Ngang đến đường Trần Phú	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến giao đường Hùng Vương	1,5	1,3	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Hùng Vương đến giao đường số 11	1,4	1,2	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Đường Lê Lợi</b>				
-	Đoạn từ đường lên Hòn Ngang đến đường Trần Phú	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến giao đường Hùng Vương	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường số 11	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường số 11 đến đường 24/3	1,3	1,2	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Đường Trần Hưng Đạo</b>				
-	Đoạn từ chân đồi Hòn ngang đến giao đường số 11	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường số 11 đến hết khu Thổ Đá	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>5</b>	<b>Đường Nguyễn Thị Minh Khai</b>				
-	Đoạn từ chân đồi Hòn Ngang đến đường số 11	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường số 11 đến hết khu Thổ Đá	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>6</b>	<b>Đường Hai Bà Trưng:</b> Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lê Lợi	1,3	1,2	1,0	1,0
<b>7</b>	<b>Đường Hùng Vương</b>				
-	Đoạn từ đường Lê Lợi đến giao đường Trần Hưng Đạo	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến giao đường Hồ Suối Bùn 1	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>8</b>	<b>Đường Võ Thị Sáu</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ đường Lê Lợi đến giao đường Trần Hưng Đạo	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Hồ Suối Bùn 1	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>9</b>	<b>Đường số 11:</b> Từ đường Lê Lợi đến giao đường Trần Hưng Đạo	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>10</b>	<b>Đường 24/3</b>				
-	Đoạn từ Suối Thá đến đường ĐT646 (nay là đường QL19C)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường ĐT646 (nay là đường QL19C) đến đường vào bên nước Ông Đa	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường vào bên nước Ông Đa đến ranh (phía trên) nhà thờ Tây Hòa	1,4	1,3	1,0	1,0
-	Đoạn từ ranh (phía trên) nhà thờ Tây Hòa đến ngã ba (giao với đường vào chùa Phước Sơn	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba (giao với đường vào chùa Phước Sơn đến ranh giới xã Suối Bạc)	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>11</b>	<b>Đường ĐT646 (nay là đường QL19C):</b> Đoạn từ cầu Sông Ba đến giáp ranh xã Suối Bạc	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>12</b>	<b>Đường nội bộ chợ Sơn Hòa:</b> Từ đường Lê Lợi đến giao đường Nguyễn Chí Thanh	1,5	1,3	1,0	1,0
<b>13</b>	<b>Đường từ ngã tư công viên (đường Trần Phú) đến hồ Suối Bùn 2</b>	1,3	1,2	1,0	1,0
<b>14</b>	<b>Đường quy hoạch Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng sạt lở dọc sông Ba giai đoạn 1, rộng 27mét (đoạn từ đường 24/3 vào 500 mét)</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>15</b>	<b>Đường quy hoạch Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng sạt lở dọc sông Ba giai đoạn 2 (đoạn từ đường 24/3 vào 500 mét)</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>16</b>	<b>Đường ĐH53 (đoạn từ giáp ranh xã EaCharang đến đường 24/3</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>X</b>	<b>TT La Hai-huyện Đồng Xuân</b>				
<b>1</b>	<b>Đường Lê Lợi (toàn tuyến)</b>	1,5	1,2	1,1	1,1
<b>2</b>	<b>Đường Trần Phú</b>				
-	Đoạn từ giáp xã Xuân Quang 2 đến trụ Km0	1,4	1,2	1,1	1,1
-	Đoạn từ Km0 (đường vào bãi rác) đến nút giao trần phú-Nguyễn Huệ	1,5	1,3	1,0	1,0
-	Đoạn từ nút giao Trần Phú-Nguyễn Huệ đến đường Võ Trú (Trạm bảo vệ thực vật)	1,6	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Võ Trú (Trạm BVTV) đến hết đường Trần Phú	1,4	1,1	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Đường Nguyễn Trãi</b>				
-	Đoạn từ Nhà máy nước La Hai đến giáp đường Trần Phú	1,4	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Lê Thành Phương	1,5	1,2	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Đường Lương Tấn Thịnh</b>				
-	Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lê Lợi	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Từ đường Lê Lợi đến đường Trường Chinh (năm 2014 là đoạn từ đường Lê Lợi đến đường sắt Bắc-	1,2	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Nam)				
<b>5</b>	<b>Đường Trần Hưng Đạo</b>				
-	Từ Km12+020 (cầu Lỗ Sấu-giáp xã Xuân Sơn Nam) đến Km13+000 (cổng thoát nước)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Từ Km13+000 (cổng thoát nước) đến Km14+300 (cầu sắt La Hai)	1,4	1,1	1,0	1,0
-	Từ (Km14+300) Cầu sắt La Hai đến Km16+070 Dốc Quận (Phòng Y tế)	1,6	1,3	1,0	1,0
-	Từ Km16+070 Dốc Quận (phòng Y tế) đến cổng văn hóa KP Long Bình	1,4	1,1	1,0	1,0
-	Từ cổng văn hóa KP Long Bình đến dốc Hồ Ó (giáp xã Xuân Long)	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>6</b>	<b>Đường Phan Trọng Đường</b>				
-	Từ đường Trần Hưng Đạo (nhà ông Ty) đến đường Trần Cao Vân (nhà ông Tòng)	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Từ đường Trần Cao Vân (nhà ông May) đến đường Trần Hưng Đạo (cổng Trung tâm văn hóa)	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>7</b>	<b>Đường Võ Trú: Toàn tuyến</b>	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>8</b>	<b>Đường Trần Cao Vân: Đoạn từ đường Phan Trọng Đường đến nhà ông Dương</b>	1,4	1,3	1,0	1,0
<b>9</b>	<b>Đường số 15: Đoạn từ đường Trần Cao Vân đến đường Trần Hưng đạo (nhà ông Lê Ngọc Liễn)</b>	1,3	1,0	1,0	1,0
<b>10</b>	<b>Đường Nguyễn Huệ: Từ đường Trần Phú đến đường Lương Văn Chánh (cây đồng Long Hà)</b>	1,8	13,0	1,0	1,0
<b>11</b>	<b>Đường Võ Thị Sáu</b>				
-	Từ nhà ông Long đến khu tập thể Trường PTTH Lê Lợi	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Từ nhà ông Nguyễn Thanh Bình đến nhà ông Nguyễn Duy Thanh	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>12</b>	<b>Đường Nguyễn Du (toàn tuyến)</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>13</b>	<b>Đường Võ Văn Dũng: Từ đường Lương Văn Chánh đến giáp xã Xuân Quang 3</b>	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>14</b>	<b>Đường Lương Văn Chánh</b>				
-	Từ Km12+500 (giáp ranh Xuân Sơn Bắc) đến đường Trần Hưng Đạo)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Từ cầu sắt La Hai đến khu dân cư Xóm Ké (nhà bà Tư)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Từ khu dân cư Xóm Ké (nhà bà Tư) đến giáp xã Xuân Quang 3 (đèo ngang)	1,3	1,0	1,0	1,0
<b>15</b>	<b>Đường Trường Chinh (toàn tuyến)</b>	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>16</b>	<b>Đường Phan Lưu Thanh</b>				
-	Từ đường Trần Hưng Đạo đến cổng Trường THCS Phan Lưu Thanh	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Từ cổng Trường THCS Phan Lưu Thanh đến khu di tích Phan Lưu Thanh	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>17</b>	<b>Đường Lê Thành Phương dọc Bàu Long Thăng (đoạn từ đường sắt Bắc-Nam đến nhà ông Đồ Tư)</b>	1,2	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
18	Đường Khóm 5-Soi Họ (từ đường Lương Văn Chánh-giáp xã Xuân long)	1,2	1,0	1,0	1,0
19	Đường Nguyễn Hào SỰ (từ Nguyễn Huệ đến đường Võ Văn Dũng)	2,0	1,2	1,0	1,0
20	<b>Khu dân cư nam cầu mới La Hai</b>				
-	Khu A	1,8			
-	Khu B	1,3			
-	Khu C	1,1			
-	Khu D	1,1			
-	Khu E	1,1			

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN***(kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của UBND tỉnh)*

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>I</b>	<b>Thành phố Tuy Hòa (4 xã)</b>				
<b>A</b>	<b>Vùng đồng bằng (4 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Bình Ngọc</b>				
<b>1.1</b>	<b>Đường Hải Dương:</b> Đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến giáp huyện Phú Hòa	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>1.2</b>	<b>Đường Trần Quang Khải:</b> Đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến ranh giới xã Bình Ngọc, Hòa An	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>1.3</b>	<b>Đường Mạc Thị Bưởi:</b> Đoạn từ đường Trần Quang Khải đến ranh giới xã Bình Ngọc và xã Hòa An	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>1.4</b>	<b>Đường Côn Sơn:</b> Đoạn từ đường Trần Quang Khải đến ranh giới xã Bình Ngọc và xã Hòa An	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>1.5</b>	<b>Đường giao thông nông thôn Ngọc Phước 2</b>	1,2	1,2	1,2	1,2
<b>1.6</b>	<b>Đường giao thông nông thôn Ngọc Lăng:</b> Đoạn từ đường phía Đông giáp đường sắt đến đường bê tông	1,2	1,2	1,2	1,2
<b>1.7</b>	<b>Đường quy hoạch 20mét:</b> Đoạn từ đường Mạc Thị Bưởi đến đường Hải Dương	1,2			
<b>1.8</b>	<b>Đại lộ Nguyễn Tất Thành</b> (đoạn qua địa bàn xã)	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>2</b>	<b>Xã Hoà Kiến</b>				
<b>2.1</b>	<b>Xã lộ 20</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh Phường 9 đến cầu Minh Đức	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ cầu Minh Đức đến Đá Bàn	1,2	1,2	1,2	1,2
<b>2.2</b>	<b>Các tuyến đường liên thôn tiếp giáp xã lộ 20</b>				
-	Đường từ cầu Minh Đức đến chùa Minh Sơn	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đường từ chùa Minh Sơn đến cầu Cai Tiên	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đường từ Quốc lộ 1A đến chợ Xuân Hòa	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đường từ Trường Trung học cũ đến cuối thôn Tường Quang	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đường từ cầu làng Quan Quang đến kênh N1	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đường từ Bru điện xã đến sân kho thôn Xuân Hòa	1,2	1,2	1,2	1,2
<b>2.3</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>	1,2	1,2	1,2	1,2
<b>2.4</b>	<b>Quốc lộ 1A</b> (đoạn qua địa bàn xã)	1,2			
<b>2.5</b>	<b>Khu tái định cư để di dời các hộ dân bị ảnh hưởng bãi rác Thọ Vực tại xã Hòa Kiến:</b> Trục đường N1 quy hoạch rộng 9,5mét (đoạn dọc kênh N1); Trục đường quy hoạch rộng 9,5mét còn lại; 7,5mét	1,2			
<b>3</b>	<b>Xã Bình Kiến</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
3.1	<b>Đường Độc Lập:</b> Đoạn thuộc địa bàn xã Bình Kiến	1,3	1,3	1,3	1,3
3.2	<b>Đường Lê Duẩn:</b> Đoạn thuộc địa bàn xã Bình Kiến	1,3	1,3	1,3	1,3
3.3	<b>Đại lộ Hùng Vương</b>				
-	Đoạn từ Lê Đại đến đường số 14	1,4	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ đường số 14 đến ranh giới xã Bình Kiến và xã An Phú	1,3	1,3	1,3	1,3
3.4	<b>Đại lộ Nguyễn Tất Thành:</b> Đoạn thuộc địa bàn xã Bình Kiến	1,3	1,3	1,3	1,3
3.5	<b>Đường Lý Nam Đế</b>				
-	Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Hà Huy Tập	1,3			
-	Đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường số 1	1,3			
-	Đoạn từ đường số 1 đến đường N4	1,3			
3.6	<b>Đường Nơ Trang Long</b>				
-	Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Hà Huy Tập	1,3			
-	Đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường số 1	1,3			
3.7	<b>Đường Lương Định Của</b>				
-	Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Nguyễn Văn Huyền	1,3			
-	Đoạn từ Hùng Vương đến đường Hà Huy Tập	1,3			
-	Đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường số 1	1,3			
-	Đoạn từ đường số 01 đến đường N2	1,3			
3.8	<b>Đường Trần Nhân Tông</b>				
-	Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến Nguyễn Văn Huyền	1,3			
-	Đoạn từ Hùng Vương đến Hà Huy Tập	1,3			
-	Đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường N2	1,3			
3.9	<b>Đường Võ Trú:</b> Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến Hà Huy Tập	1,3			
3.10	<b>Các trục đường thuộc khu dân cư phía Tây đại lộ Hùng Vương</b> (đoạn từ đường An Dương Vương-N14); Trục đường rộng 10mét; 6mét	1,2			
3.11	<b>Các trục đường thuộc Khu dân cư phía Đông đại lộ Hùng Vương</b> (đoạn từ đường số 14-Quốc lộ 1A)				
-	Trục đường rộng 20mét; 16mét; 10mét; 6mét-dưới 10mét	1,3			
3.12	<b>Đường đi Thượng Phú</b>				
-	Đoạn từ đại lộ Nguyễn Tất Thành đến Trạm bơm Phú Vang	1,2	1,2	1,2	1,2

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ Trạm bơm Phú Vang đến Thượng Phú	1,2	1,2	1,2	1,2
<b>3.13</b>	<b>Đường đi Bàu Cả</b>				
-	Đoạn từ đại lộ Nguyễn Tất Thành đến hết khu tái định cư Bàu Cả	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ hết Khu TĐC Bàu Cả đến giáp xã Hòa Kiến	1,2	1,2	1,2	1,2
<b>3.14</b>	<b>Các trục đường dưới 12mét thuộc khu tái định cư Bàu Cả</b>	1,2			
<b>3.15</b>	<b>Đường Mậu Thân (đoạn qua địa bàn xã)</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>3.16</b>	<b>Quốc lộ 1A (đoạn qua địa bàn xã)</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>3.17</b>	<b>Đường Tân Trào</b>	1,3			
<b>3.18</b>	<b>Đường Hà Huy Tập</b>	1,3			
<b>3.19</b>	<b>Đường Nguyễn Văn Huyền</b>				
	Đoạn thuộc địa bàn xã Bình Kiến	1,3			
<b>3.20</b>	<b>Các trục đường thuộc khu dân cư phía Đông đại lộ Hùng Vương (đoạn từ đường An Dương Vương- đường Trần Nhân Tông)</b>				
-	Trục đường rộng 12mét	1,3			
<b>4</b>	<b>Xã An Phú</b>				
<b>4.1</b>	<b>Đường Độc Lập:</b> Đoạn thuộc địa bàn xã An Phú	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>4.2</b>	<b>Đường Lê Duẩn</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Bình Kiến và An Phú đến ngã ba khu tái định cư thôn Chính Nghĩa	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ ngã ba khu tái định cư thôn Chính Nghĩa đến ngã tư đường cơ động	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>4.3</b>	<b>Đại lộ Hùng Vương:</b> Đoạn từ ranh giới xã Bình Kiến và xã An Phú đến QL1A	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>4.4</b>	<b>Quốc lộ 1A (đoạn qua địa bàn xã)</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Bình Kiến, An Phú đến Km1323+200	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ Km1323+200 đến giáp xã An Chấn	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>4.5</b>	<b>Đường cơ động ven biển</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>4.6</b>	<b>Đường liên xã</b>				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1A đến Bệnh viện Điều dưỡng và phục hồi chức năng	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ Bệnh viện Điều dưỡng và phục hồi chức năng đến cầu Đồng Nai	1,2	1,2	1,2	1,2
<b>4.7</b>	<b>Đường liên thôn Xuân Dục, Chính Nghĩa</b>	1,2	1,2	1,2	1,2
<b>4.8</b>	<b>Đường khu tái định cư Gò Giữa:</b> Trục đường rộng 13mét; 12mét; 10mét	1,2			
<b>4.9</b>	<b>Đường liên thôn Phú Liên</b>				
-	Đoạn từ ngã ba Thượng Phú đến cầu Sắt Phú Liên	1,2	1,2	1,2	1,2

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	(cũ)				
-	Đoạn từ cầu sắt Phú Liên đến Gò Sầm (cũ)	1,2	1,2	1,2	1,2
<b>4.10</b>	<b>Đường liên thôn Phú Lương:</b> Đoạn từ ngã ba Nghĩa trang Thọ Vực-suối Gò Dầu	1,2	1,2	1,2	1,2
<b>4.11</b>	<b>Đường khu TĐC xứ Đông Phú thôn Chính Nghĩa</b>				
-	Trục đường rộng 6mét	1,2			
<b>4.12</b>	<b>Đường từ QL1A đến ngã ba Thượng Phú, Phú Liên</b>	1,2	1,2	1,2	1,2
<b>II</b>	<b>Thị xã Sông Cầu (10 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Xuân Lộc</b>				
<b>1.1</b>	<b>Quốc lộ 1</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh tỉnh Bình Định đến Trụ sở UBND xã Xuân Lộc	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trụ sở UBND xã Xuân Lộc đến giáp ranh xã Xuân Bình	1,2	1,2	1,0	1,0
<b>1.2</b>	<b>Đường Chánh Lộc-Diêm Trường</b>				
-	Đoạn tiếp giáp Quốc lộ 1 đi qua chợ cũ đến ngã ba đường Chánh Lộc-Diêm Trường	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn tiếp giáp Quốc lộ 1 (ngã ba Hà Dom) đến ngã ba đường Chánh Lộc-Diêm Trường	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường Chánh Lộc-Diêm Trường đến Trường Bùi Thị Xuân	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trường Bùi Thị Xuân đến ngã tư đường Xuân Bình-Xuân Hải	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư đường Xuân Bình-Xuân Hải đến giáp đầm Cù Mông	1,2	1,2	1,0	1,0
<b>1.3</b>	<b>Đường lên hồ chứa nước Xuân Bình</b>				
-	Đoạn tiếp giáp Quốc lộ 1 đến lô số 1 QHPL khu dân cư	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp lô số 1 QHPL khu dân cư đến giáp ranh xã Xuân Bình	1,2	1,2	1,0	1,0
<b>1.4</b>	<b>Khu dân cư chợ Xuân Lộc</b>				
-	Khu D; khu E; khu F; Mặt tiền đường số 8, số 9 và số 10	1,2			
<b>1.4a</b>	<b>Đường kè đầm Cù Mông</b>				
-	Đoạn từ giáp Quốc lộ 1 đến giáp thửa đất nhà ở của ông Trần Đình Phó	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ phía Bắc nhà ông Trần Đình Phó đến giáp xã Xuân Bình	1,2	1,2	1,0	1,0
<b>1.5</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa (hoặc láng nhựa) trong xã</b>				
-	<b>Khu vực 1</b>				
+	Đường Chánh Lộc-Thọ Lộc (đoạn từ Quốc lộ 1 đến ngã ba ông Dền)	1,2	1,2	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
+	Đường Chánh Lộc-Thọ Lộc (đoạn từ ngã ba ông Dàn đến Bàu Neo)	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Chánh Lộc-Thọ Lộc (đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua Niệm Phật Đường đến Trụ sở thôn Chánh Lộc)	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường xóm Cát-Chánh Lộc	1,2	1,2	1,0	1,0
-	<b>Khu vực 2</b>				
+	Đường Chánh Lộc-Thọ Lộc (đoạn từ ngã ba ông Dàn đến trường Thọ Lộc)	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Mỹ Lộc-Mỹ Phụng	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Mỹ Phụng-Thọ Lộc	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Thạch Khê	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Quốc lộ 1-Lâm Thạch Khê	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Mỹ Phụng-Diêm Trường.	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Dốc ông Dinh-Mỹ Phụng	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Quốc lộ 1-Thôn Mỹ Lộc	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Chánh Lộc-Mỹ Lộc	1,2	1,2	1,0	1,0
<b>1.6</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,2	1,2	1,0	1,0
<b>1.7</b>	<b>Khu tái định cư thôn Long Thạnh (đường gom dân sinh quy hoạch rộng 8mét) được bổ sung mới</b>	1,1			
<b>2</b>	<b>Xã Xuân Bình</b>				
<b>2.1</b>	<b>Quốc lộ 1</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Lộc đến giáp Trường Tiểu học xã Xuân Bình và đoạn còn lại	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>2.2</b>	<b>Đường GTNT Xuân Bình-Xuân Hải:</b> Đoạn từ giáp đường GTNT Chánh Lộc-Diêm Trường đến giáp cầu Xuân Bình-Xuân Hải	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>2.3</b>	<b>Đường Chánh Lộc-Diêm Trường</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>2.4</b>	<b>Đường lên hồ chứa nước Xuân Bình</b>				
-	Đoạn tiếp giáp Quốc lộ 1 đến hết khu quy hoạch phân lô khu dân cư	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn giáp khu quy hoạch đến hồ Xuân Bình	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>2.5</b>	<b>Đường GTNT Bình Thạnh-Đá Giăng</b>				
-	Đoạn bê tông hóa và đoạn còn lại	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>2.5a</b>	<b>Đường kê đầm Cù Mông (bổ sung mới)</b>				
-	Đoạn từ giáp xã Xuân Lộc đến giáp cầu Xuân Bình-Xuân Hải	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp cầu Xuân Bình-Xuân Hải đến giáp Quốc lộ 1	1,1	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>2.6</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>2.7</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Xã Xuân Hải</b>				
<b>3.1</b>	<b>Quốc lộ 1D</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh tỉnh Bình Định đến Trạm cấp nước Xuân Hải	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trạm cấp nước Xuân Hải đến giáp Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp xã Xuân Hải	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn còn lại	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>3.2</b>	<b>Đường bê tông GTNT xã Xuân Hải: Đoạn từ thôn 1 đến giáp thôn 5 (từ nhà ông Trần Quý Dạn đến nhà ông Nguyễn Văn Đê)</b>	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>3.3</b>	<b>Đường GTNT Xuân Hải-Xuân Bình: Đoạn từ giáp QL 1D đến giáp cầu Xuân Bình-Xuân Hải</b>	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>3.4</b>	<b>Khu dân cư Xuân Hải (giai đoạn 1)</b>				
-	Mặt tiếp giáp Quốc lộ 1D	1,3			
-	Đường rộng 20mét	1,2			
-	Đường rộng 10mét (94 lô tiếp giáp đường NH 8, không tổ chức đấu giá, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường và bị giải toả khi thực hiện dự án trên địa bàn xã)	1,0			
<b>3.4a</b>	<b>Đường kè đê Cù Mông (đoạn từ giáp xã Xuân Hòa đến giáp cầu Xuân Bình-Xuân Hải)</b>	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>3.4b</b>	<b>Khu dân cư chợ Xuân Hải (bổ sung mới)</b>				
-	Mặt đường Quốc lộ 1D	1,4			
-	Đường rộng 20mét	1,3			
-	Đường rộng 10mét	1,2			
<b>3.5</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa trong xã</b>				
-	Khu vực 1				
+	Đoạn từ Quốc lộ 1D đến giáp đường bê tông GTNT thôn 3 (đất ông Bùi Thượng)	1,1	1,1	1,0	1,0
+	Đoạn từ Quốc lộ 1D đến giáp đường bê tông GTNT thôn 4 (nhà ông Nguyễn Văn Lộc)	1,1	1,1	1,0	1,0
+	Đoạn từ Quốc lộ 1D đến giáp đường bê tông GTNT thôn 5 (nhà bà Trương Thị Mầu)	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>3.6</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Xã Xuân Hòa</b>				
<b>4.1</b>	<b>Quốc lộ 1D</b>				
-	Đoạn từ UBND xã Xuân Hòa đến giáp đầu cầu Bình Phú và đoạn còn lại	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>4.2</b>	<b>Đường GTNT Hòa Phú-Hòa An</b>	1,4	1,1	1,0	1,0
<b>4.3</b>	<b>Khu dân cư Nam Hòa Phú-Hòa An</b>				
-	Khu A; Khu B				
+	Các lô tiếp giáp đường Hòa Phú-Hòa An	1,5			
+	Các lô tiếp giáp trục đường rộng 10mét (khu A)	1,3			
+	Khu C (không tổ chức đấu giá, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường trên địa bàn xã)				
-	Đường rộng 10mét thuộc khu B từ lô số 31 đến lô số 47, không tổ chức đấu giá, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường trên địa bàn xã	1,1			
-	Đường rộng 10mét còn lại (khu B)	1,2			
<b>4.3a</b>	<b>Đường kè đầm Cù Mông</b>	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>4.4</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>4.5</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>4.6</b>	Đường giao thông nông thôn từ đường GTNT Hòa Phú-Hòa an, xã Xuân Hòa đến đường GTNT Hòa Mỹ-Hòa Hội-Hòa Lợi, xã Xuân Cảnh (đoạn qua xã Xuân Hòa)	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>5</b>	<b>Xã Xuân Cảnh</b>				
<b>5.1</b>	<b>Quốc lộ 1: Từ giáp ranh xã Xuân Bình đến giáp ranh xã Xuân Thịnh</b>	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>5.2</b>	<b>Đường GTNT Hòa Mỹ-Hòa Hội-Hòa Lợi</b>	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>5.3</b>	<b>Khu tái định cư Quốc lộ 1, đồng ông Nhó, xã Xuân Cảnh: Đường rộng 10mét</b>	1,3			
<b>5.4</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa trong xã</b>				
-	Khu vực 1	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>5.5</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>5.6</b>	Đường giao thông nông thôn từ đường GTNT	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Hòa Phú-Hòa an, xã Xuân Hòa đến đường GTNT Hòa Mỹ-Hòa Hội-Hòa Lợi, xã Xuân Cảnh (đoạn qua xã Xuân Cảnh)				
<b>6</b>	<b>Xã Xuân Thịnh</b>				
<b>6.1</b>	<b>Đường Quốc lộ 1:</b> Đoạn từ đầu xã Xuân Thịnh đến giáp ranh xã Xuân Phương	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>6.2</b>	<b>Đường GTNT Hòa Hiệp-Từ Nham</b>				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1A đến nhà ông Thơ	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Thơ đến cuối thôn Từ Nham	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>6.3</b>	<b>Đường GTNT Phú Dương-Vịnh Hòa:</b> Đoạn từ ngã ba Phú Dương đến cuối thôn Vịnh Hòa	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>6.4</b>	<b>Đường từ đèo ông Kết đến chợ trung tâm xã Xuân Thịnh</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>6.5</b>	<b>Khu dân cư Từ Nham (giai đoạn 1)</b>				
-	Khu L1 và L3: Trục đường Liên thôn Vũng Chèo-Từ Nham	1,0			
-	Khu L2 và L4: Trục đường rộng 10mét (không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,0			
<b>6.6</b>	<b>Khu dân cư Phú Dương-Vịnh Hòa</b>				
-	<b>Điểm dân cư Phú Dương-Vịnh Hòa</b>				
	Khu A2-1 và Khu A2-4	1,1			
-	<b>Khu dân cư Phú Dương-Vịnh Hòa (giai đoạn 1, sau khi đầu tư hoàn thành)</b>				
+	<b>Khu B7-1</b>				
	Đường rộng 12mét (các lô 3,5,7,9,12, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị giải tỏa khi thực hiện dự án trên địa bàn xã)	1,1			
	Đường rộng 16mét (các lô 1,15,16, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị giải tỏa khi thực hiện dự án trên địa bàn xã)	1,1			
+	<b>Khu B1-2</b>				
	Đường rộng 12mét (không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
+	<b>Khu B7-2</b>				
	Đường rộng 12mét (các lô 2,4,6 và 8, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
	Đường rộng 16mét (các lô 1,3,5 và 7, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
+	<b>Khu B 8-1</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đường rộng 12mét (các lô 3,5,7,9,11,14,15, 16, 17 và 21, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
	Đường rộng 16mét (lô số 1, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
+	<b>Khu B 8-2</b>				
	Đường rộng 12mét (từ lô số 05 đến lô số 17, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
	Đường rộng 16mét (lô số 1 đến lô số 04, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
+	<b>Khu B 8-4</b>				
	Đường rộng 12mét (từ lô số 01 đến lô số 04, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
	Trục đường rộng 16mét (lô số 05 đến lô số 08, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
+	<b>Khu B3-2</b>				
	Đường rộng 12mét (các lô 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 22, 24 và 26, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân nghèo chưa có đất ở tại địa phương)	1,1			
	Đường rộng 20mét; đường rộng 16mét; đường rộng 12mét, các lô còn lại	1,1			
6.7	<b>Khu tái định cư Quốc lộ 1, thôn Hòa Hiệp, xã Xuân Thịnh: Đường rộng 10mét</b>	1,5			
6.8	<b>Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
6.9	<b>Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
7	<b>Xã Xuân Phương</b>				
7.1	<b>Quốc lộ 1: Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thịnh đến giáp ranh Phường Xuân Yên</b>	1,1	1,1	1,0	1,0
7.2	<b>Đường GTNT Trung Trinh-Vũng La</b>	1,1	1,1	1,0	1,0
7.3	<b>Khu dân cư Phú Mỹ</b>				
-	Đường Trung Trinh-Vũng La; đường rộng 6mét; đường rộng 4,5mét	1,1			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>7.4</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>7.5</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>8</b>	<b>Xã Xuân Thọ 1</b>				
<b>8.1</b>	<b>Quốc lộ 1</b>				
-	Đoạn từ đỉnh dốc Găng (giáp đường bê tông lên Cao Phong) đến giáp Nam tuyến tránh Quốc lộ 1	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Nam tuyến tránh Quốc lộ 1 đến giáp Bắc cầu Huyện	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Nam cầu Huyện đến cột mốc ranh giới Xuân Thọ 2	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>8.2</b>	<b>Khu tái định cư Quốc lộ 1, Chánh Nam-Nhiều Hậu, xã Xuân Thọ 1</b>				
-	Đường N2, rộng 10mét	1,0			
-	Đường N1, rộng 12mét	1,0			
-	Đường N3, N4, N5, N6, rộng 10mét	1,0			
<b>8.3</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa hoặc láng nhựa trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>8.4</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>9</b>	<b>Xã Xuân Thọ 2</b>				
<b>9.1</b>	<b>Quốc lộ 1: Đoạn từ cột mốc ranh giới Xuân Thọ 1 đến giáp ngã ba Triều Sơn</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>9.2</b>	<b>Đường ĐT642</b>				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1 đến giáp cầu suối Đá	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu suối Đá đến giáp cầu suối Tre	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu suối Tre đến giáp huyện Đông Xuân	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>9.3</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa hoặc láng nhựa trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>9.4</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>B</b>	<b>Vùng miền núi (01 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Xuân Lâm</b>				
<b>1.1</b>	<b>Đường Phạm Văn Đồng: Đoạn từ Nam cầu vượt</b>	1,2	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	đến đỉnh dốc Găng (giáp đường bê tông lên Cao Phong)				
<b>1.2</b>	<b>Đường GTNT Cao Phong</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>1.3</b>	<b>Đường GTNT Long Phước</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>1.4</b>	<b>Đường giao thông đến Trung tâm xã: Đoạn từ giáp Nam cầu Tam Giang mới đến giáp suối Hàn</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>1.5</b>	<b>Đường ĐT644</b>				
-	Đoạn từ giáp phường Xuân Phú đến Bãi tràn thôn Bình Nông	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bãi tràn thôn Bình Nông đến giáp ranh huyện Đồng Xuân	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>1.6</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa hoặc láng nhựa trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>1.7</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>III</b>	<b>Huyện Tuy An (15 xã)</b>				
<b>A</b>	<b>Vùng đồng bằng (12 xã)</b>				
<b>1.1</b>	<b>Xã An Chấn</b>				
-	<b>Quốc lộ 1</b>				
-	Đoạn giáp ranh xã An Phú đến đường đất đi nhà ông Lê Xuân Thế	1,4	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường đất đi nhà ông Lê Xuân Thế đến giáp ranh xã An Mỹ	1,4	1,0	1,0	1,0
<b>1.2</b>	<b>Đường cơ động ven biển</b>				
-	Đoạn từ cầu Đồng Nai đến đường bê tông thôn Phú Quý	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường bê tông thôn Phú Quý đến giáp ranh xã An Mỹ	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>1.3</b>	<b>Đường xã lộ</b>				
-	Đoạn từ đường sắt đến ngã ba (nhà Bà Hợp)	1,4	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba (nhà Bà Hợp) đến Biển	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>1.4</b>	<b>Các đường liên thôn</b>				
-	Đường bê tông xi măng (từ HTXNN) đến giáp đường cơ động	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ khe nước bầu Đồng Nai đến công khu du lịch Bãi Xếp	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba tiếp giáp đường bê tông Hợp tác xã (nhà ông Cảnh) đến đường đi Núi Hùng	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>1.5</b>	<b>Các đường thôn</b>				
-	Đường từ QL1 đi mỏ đá Phú Thạnh	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đường từ ngã ba đi mỏ đá Phú Thạnh đến hết đường bê tông (Ấp Lý)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba đường cơ động đến hết đường bê tông thôn Phú Phong	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>1.6</b>	<b>Đất khu trưng bày sản phẩm làng nghề An Chấn</b>				
-	Tiếp giáp Quốc lộ 1	1,5			
-	Tiếp giáp đường nội bộ	1,3			
<b>1.7</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Xã An Mỹ</b>				
<b>2.1</b>	<b>Quốc lộ 1A</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Chấn đến giáp đường vào Trường Lê Thành Phương	1,5	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường vào Trường Lê Thành Phương đến giáp ranh xã An Hòa	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>2.2</b>	<b>Đường ĐT643 (điều chỉnh tuyến)</b>				
-	Đoạn từ QL1 đến hết nhà máy ô tô JRD	3,0	1,8	1,5	1,2
-	Từ nhà máy ô tô JRD đến ngã tư chính tuyến	1,6	1,4	1,2	1,0
-	Đoạn từ ngã tư chính tuyến-cầu Sắt đến giáp ranh xã An Thọ	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư chính tuyến đến giáp ranh xã An Thọ (đường cứu hộ-cứ nạn)	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>2.3</b>	<b>Đường cơ động ven biển</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Chấn đến giáp ranh xã An Hòa	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>2.4</b>	<b>Các đường liên thôn</b>				
-	<b>Đường từ QL1 đến đường cơ động:</b>				
+	Đoạn từ QL1 đến Trạm y tế xã	1,5	1,3	1,0	1,0
+	Đoạn từ Trạm y tế xã đến đường cơ động	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ Chợ cũ đến cầu Hầm và từ Chợ cũ đến Núi Một	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ chợ Mới đi qua Trường Nguyễn Thái Bình đến cuối đường bê tông Xóm 5 thôn Hòa Đa	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ Nhà hát nhân dân cũ đến ngã ba cuối Xóm 4 thôn Phú Long	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba Xóm 4 Phú Long đến ngã ba nhà ông Lê Thăng giáp sân vận động	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>2.5</b>	<b>Đoạn đường xung quanh chợ An Mỹ</b>	2,5			
<b>2.6</b>	<b>Đường từ ngã ba Giai Sơn đến giáp thôn Hội Sơn-An Hòa</b>	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>2.7</b>	<b>Đường từ ngã ba Giai Sơn đến Trường Tiểu học số 2</b>	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>2.8</b>	<b>Khu vực xung quanh Sân vận động</b>	1,1			
<b>2.9</b>	<b>Đường từ Quốc lộ 1 đến cuối xóm Mối thôn Hòa Đa</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>2.10</b>	<b>Khu dân cư thị tứ</b>				
-	Đường quy hoạch rộng 30mét	1,2			
-	Đường quy hoạch rộng 16mét	1,1			
-	Đường quy hoạch rộng 12,5mét	1,0			
<b>2.11</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Xã An Hòa</b>				
<b>3.1</b>	<b>Quốc lộ 1</b>				
-	Đoạn từ giáp An Mỹ đến phía Bắc cầu Chùa Hang	1,5	1,2	1,1	1,0
-	Đoạn từ phía Bắc cầu Chùa Hang đến giáp ranh xã An Hiệp	1,4	1,2	1,1	1,0
<b>3.2</b>	<b>Đường cơ động ven biển</b>				
-	Đoạn từ giáp An Mỹ đến phía Bắc chợ Diêm Hội	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường phía Bắc chợ Diêm Hội đến giáp An Hải	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>3.3</b>	<b>Đường từ ngã ba Phú Diêm đi Hội Sơn</b>				
-	Đoạn từ QL1 đến cầu Suối Ré	1,5	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Suối Ré đến giáp đường cơ động	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường cơ động đến Bến xe Nhon Hội	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bến xe Nhon Hội đến công chào thôn Hội Sơn (giáp An Mỹ)	1,4	1,2	1,0	1,0
<b>3.4</b>	<b>Các đường liên thôn</b>				
-	<b>Đường từ ngã ba chợ Yên đến Hội trường thôn Phú Thường</b>				
+	Đoạn từ ngã ba chợ Yên đến công chào thôn Phú Thường	1,5	1,3	1,1	1,0
+	Đoạn từ công chào thôn Phú Thường đến Hội trường thôn Phú Thường	1,2	1,1	1,0	1,0
-	<b>Đường từ ngã ba đường bê tông thôn Diêm Hội đến cuối đường thôn Diêm Hội</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ ngã ba công chùa Linh Sơn đến hết thôn Tân Hòa</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ ngã ba thôn Nhon Hội đến Lăng Ông thôn Nhon Hội</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>3.5</b>	<b>Khu dân cư Tân An</b>				
-	Đường rộng > 16mét	1,3			
-	Đường rộng 10mét, 9mét, 7,5mét và 6mét	1,2			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>3.5a</b>	<b>Khu dân cư Tân An (giai đoạn 2)</b>				
-	Các đường số: 1, 2, 3, 4, 7, 8 và D3	1,1			
<b>3.6</b>	<b>Khu tái định cư đồng Gia Điền</b>				
-	Các đường số: 1, 3	1,4			
-	Đường số 2	1,3			
<b>3.7</b>	<b>Các đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Xã An Hải</b>				
<b>4.1</b>	<b>Đường cơ động ven biển</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Hoà đến Trụ sở UBND xã (cũ)	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trụ sở UBND xã (cũ) đến nam cầu An Hải	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>4.2</b>	<b>Từ đường cơ động ven biển đến chợ thôn Xuân Hòa</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>4.3</b>	<b>Đường liên thôn</b>				
-	Ngã ba Tân Qui đi Phước Đông (đường nhựa)	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>4.4</b>	<b>Các đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>5</b>	<b>Xã An Hiệp</b>				
<b>5.1</b>	<b>Quốc lộ 1</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Hoà đến giáp phía Bắc đường lên Mộ Lê Thành Phương	1,5	1,3	1,1	1,0
-	Đoạn từ phía Bắc đường lên Mộ Lê Thành Phương đến giáp ranh xã An Cư	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>5.2</b>	<b>Quốc lộ 1 đi Phước Hậu</b>				
-	Đoạn giáp QL1 đến cầu Cây Gạo thôn Phong Phú	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Cây Gạo đến ngã ba Đá Bàn thôn Phước Hậu	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>5.3</b>	<b>Đường từ An Hiệp đi An Lĩnh</b>				
-	Đoạn từ QL1 đến hết phân Trường TH Tuy Dương	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ phân Trường TH Tuy Dương đến giáp ranh xã An Lĩnh	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>5.4</b>	<b>Đường xung quanh chợ Phiên Thứ mới</b>	1,2			
<b>5.5</b>	<b>Đường từ QL1 đi Đầm Ô Loan</b>				
-	Đoạn từ QL1 đến cầu đường sắt	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu đường sắt đến giáp ranh xã An Cư	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>5.6</b>	<b>Tái định cư Đồng Cây Gạo</b>				
-	Các đường số: 1, 2, 3, 4, 5 và 6	1,1			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>5.7</b>	<b>Tái định cư Đồng Cây Đông</b>	1,1			
<b>5.8</b>	<b>Các đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>6</b>	<b>Xã An Cư</b>				
<b>6.1</b>	<b>Quốc lộ 1</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Hiệp đến công qua đường QL1 (đường vào nhà ông Phạm Tấn Đức)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ công qua đường QL1 (đường vào nhà ông Phạm Tấn Đức) đến đỉnh dốc Chùa	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đỉnh Dốc Chùa đến giáp thôn Phước Lương	1,5	1,3	1,2	1,1
-	Đoạn từ giáp Phước Lương đến đường đi Đồng Cháy	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường đi Đồng Cháy đến giáp ranh thị trấn Chí Thạnh	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>6.2</b>	<b>Đường từ QL1 đến công cụm Công nghiệp Tam Giang</b>	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>6.3</b>	<b>Cụm Công Nghiệp Tam Giang</b>				
-	Các đường rộng 16mét; 14mét	1,2			
-	Khu dịch vụ tiếp giáp QL1 (mới)	1,3			
<b>6.4</b>	<b>Các đường liên thôn</b>				
-	<b>Đường từ QL1 đến ngã ba Xóm Chuối</b>				
+	Đoạn từ QL1 đến ngã ba đường đi liên xã (nhà bà Ngọt)	1,4	1,1	1,0	1,0
+	Đoạn từ ngã ba đường đi liên xã (nhà bà Ngọt) đến Trường Môm cũ (nhà ông Lược)	1,2	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ Trường Môm cũ (nhà ông Lược) đến ngã ba Xóm Chuối	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ QL1 đến nhà thờ Đồng Cháy</b>				
+	Đoạn từ QL1 (Phước Lương) đến đường sắt	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ đường sắt đến nhà thờ Đồng Cháy	1,0	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ công thôn Tân Long đến giáp đường ven đầm</b>				
+	Đoạn từ công thôn Tân Long đến công ông Thượng	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ công ông Thượng đến công (nhà ông Nghi)	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ công (nhà ông Nghi) đến giáp đường ven đầm	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ công thôn Tân Long đến giáp ranh xã An Ninh Đông</b>				
+	Đoạn từ công thôn Tân Long-xóm Đá đến chùa Phước Đồng	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
+	Đoạn từ chùa Phước Đồng đến giáp ranh xã An Ninh Đông	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ ngã ba đường dẫn cầu Long Phú đến nhà ông Thành</b>				
+	Đoạn từ ngã ba đường dẫn cầu Long Phú đến nhà ông Suông	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Suông đến ngã ba nhà ông Thành	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Thành đến giáp ranh xã An Hiệp	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường xung quanh xóm gỗ</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ Trường Tiểu học đến Gò Giam</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ chợ Phú Tân đến hết khu dân cư Hòa Thạnh</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ ngã tư đến Trường Mẫu giáo đội 5</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ nhà ông Vàng đến Hòa Tú</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>6.5</b>	<b>Khu qui hoạch dân cư thôn Phú Tân</b>				
-	Các đường rộng: 10mét, 8mét	1,2			
-	Đường rộng 6mét	1,1			
<b>6.6</b>	<b>Khu tái định cư thôn Phú Tân 2</b>				
-	Đường rộng 9mét (giáp QL1)	1,1			
<b>6.7</b>	<b>Khu tái định cư Gò Điều</b>				
-	Các đường số: 1, 2, 3, 4, 5	1,0			
<b>6.7a</b>	<b>Khu dân cư Hòa Thạnh</b>				
-	Các đường số: 1, 2, 3, 4, 5 và 6	1,0			
<b>6.8</b>	<b>Đường liên xã</b>				
-	Đường từ ngã ba đường liên xã (nhà bà Ngọt) đến đường dẫn phía Nam cầu Long Phú	2,5	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ phía Bắc cầu Long Phú đến ngã ba đường đi xóm Đá	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>6.9</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>7</b>	<b>Xã An Dân</b>				
<b>7.1</b>	<b>Quốc lộ 1</b>				
-	Đoạn từ phía Bắc cầu Ngân Sơn đến Nam cầu Nhân Mỹ	1,5	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bắc cầu Nhân Mỹ đến phía Bắc đường vào công thôn Bình Chính	1,5	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ phía Bắc đường vào công thôn Bình Chính đến giáp ranh thị xã Sông Cầu	1,3	1,0	1,0	1,0
<b>7.2</b>	<b>Khu tái định cư thôn Cần Lương</b>				
-	Các đường số: 1, 2, 3, 4	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>7.3</b>	<b>Khu tái định cư Đèo Đèo, thôn Cản Lương</b>				
-	Các đường số: 1, 1A, 2, 3, 4, 5, 6, 7	1,0			
<b>7.4</b>	<b>Khu tái định cư đồng Cây Khế, thôn Bình Chính</b>				
-	Các đường số: 1, 2, 3, 4, 5	1,1			
<b>7.5</b>	<b>Đường xã lộ</b>				
-	Đoạn từ QL1 (Phú Mỹ) đến ngã ba Cây Da	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Cây Da đến cầu An Thổ	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu An Thổ đến Trường Tiểu học số 2	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>7.6</b>	<b>Các đường liên thôn</b>				
-	Đoạn từ cổng chào thôn Long Uyên đến Trụ sở thôn Long Uyên	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ chùa Thanh Long đến cổng chào Mỹ Long	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cổng chào Mỹ Long đến giáp ranh xã Xuân Sơn Bắc	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>7.7</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>8</b>	<b>Xã An Thạch</b>				
<b>8.1</b>	<b>Đường QL1-Gành Đá Đĩa</b>				
-	Đoạn từ cầu Lò Gốm đến cổng Sơn Chà (giáp An Ninh Tây)	1,5	1,3	1,0	1,0
<b>8.2</b>	<b>Đường ngã ba Bà Ná đến đèo Đăng</b>				
-	Đoạn từ ngã ba Bà Ná đến cổng văn hóa thôn Phú Thịnh	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cổng thôn Phú Thịnh đến Đèo Đăng	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>8.3</b>	<b>Đường từ cầu Lò Gốm đến hết đường bê tông thôn Hà Yên</b>				
-	Đoạn từ cầu Lò Gốm đến bờ đê thôn Quảng Đức	1,5	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ bờ đê thôn Quảng Đức đến cuối đường bê tông thôn Hà Yên	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>8.4</b>	<b>Khu dân cư Đèo Đăng (các đường trong khu dân cư)</b>	1,0			
<b>8.5</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>9</b>	<b>Xã An Ninh Tây</b>				
<b>9.1</b>	<b>Đường Quốc lộ 1-Gành Đá Đĩa</b>				
-	Đoạn từ cổng Sơn Chà đến ngã ba đi Hội Phú	1,5	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đi Hội Phú đến giáp ranh xã An Ninh Đông	1,6	1,3	1,0	1,0
<b>9.2</b>	<b>Các đường liên thôn</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đường từ chợ Thủy đến ngã ba xóm Giã	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ chợ Thủy đến ngã ba cuối thôn Tiên Châu-Bình Thạnh	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ đóc Bà Tron đến cảng cá thôn Tiên Châu	1,4	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba Đội thuê đến tiếp giáp đường vào chùa Hưng Thiện	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba cây xăng HTXNN đến cửa Bà Chi	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba cuối thôn Tiên Châu đến công thôn Bình Thạnh (cầu gỗ)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba xóm Giã đến bên cá cũ thôn Tiên Châu	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba cuối thôn Tiên Châu đến đóc Miếu Bình Thạnh	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba Bà Thung đến bờ tràn Sơn Chà thôn Diêm Điền	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba Cảng cá Tiên Châu đi cầu gỗ Bình Thạnh (đường nội bộ vùng nuôi tôm)	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công Trường Tiểu học số 1 đến nhà ông Chút, Xuân Phú	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Cương đến nhà bà Cúc, Xuân Phú (khu vực chợ Giã)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba cầu Lầm đến nhà ông Mỹ, Hội Phú	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Trạm xá đến Trường Tiểu học số 2, Tiên Châu	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bưu điện đến nhà ông Tâm, Xuân Phú	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba sân kho Cây Khê đến nhà ông Đường (đội 3)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Nhà trẻ Hội Phú đến đường liên xã	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường liên xã đến khu tái định cư (đội 17-Diêm Điền)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường bê tông Hội Phú (cây Gòn) đến cầu gỗ Bình Thạnh	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>9.3</b>	<b>Khu dân cư Đồng Thủy-Tiên Châu</b>				
-	Các đường số: 1, 2, 3, 4	1,0			
<b>9.4</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>10</b>	<b>Xã An Ninh Đông</b>				
<b>10.1</b>	<b>Đường Quốc lộ 1-Gành Đá Đĩa</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Ninh Tây đến ngã ba đường đi đèo biển	1,6	1,3	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường đi đèo biển đến giáp thôn Phú Hạnh	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp thôn Phú Hạnh đến Gành Đá Đĩa	1,6	1,4	1,3	1,3

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>10.2</b>	<b>Đường phía Bắc cầu An Hải</b>				
-	Đoạn từ ngã ba đi Gành Đá Đĩa (Trường Ngô Mây) đến Bắc cầu An Hải	1,5	1,3	1,0	1,0
<b>10.3</b>	<b>Các đường liên thôn</b>				
-	<b>Đường từ cổng bộ 6 đến cuối Bãi Bàng</b>				
+	Đoạn từ ngã ba cổng bộ 6 đến đỉnh dốc Đá Đen thôn 5	1,2	1,1	1,0	1,0
+	Đoạn từ đỉnh dốc Đá Đen đến giáp cuối Xóm 9 thôn 6	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Bình đến nhà bà Hương (thôn 5)	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ Trạm y tế xã đến nhà ông Biện Minh Hùng thôn 5	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Bích đến nhà ông Lẹ thôn 5	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ ngã ba đường đi đèo biển đến đỉnh đèo thôn 7	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ ngã ba nhà bà Lượng đến nhà ông Nhựt thôn 5	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ ngã ba nhà ông Cảnh đến nhà ông Hiệp thôn 6	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ công chào thôn số 2 đến nhà ông Dân thôn 6	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ công chào số 2 thôn 6 đến cuối Bãi Bàng	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ ngã ba đường 773 đến cuối đường thôn 7</b>				
+	Đoạn từ ngã ba đường 773 thôn 7 đến giáp Miếu thôn 7	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ Miếu thôn 7 đến cuối đường thôn 7	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ Miếu thôn 7 đến khu tái định cư Lê Thịnh	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ ngã ba xóm Cát đường 773 đến nhà ông Lê Hân thôn 7	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ ngã ba Mã Đạo đến bến đò thôn 8</b>				
+	Đoạn từ ngã ba Mã Đạo đến cầu Am	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ cầu Am đến bến đò thôn 8	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ HTXNN Nam An Ninh đến giáp An Cư</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ chợ Đăng cũ thôn 8 đến giáp ngã ba đường 773</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>10.3 a</b>	<b>Khu dân cư An Vũ</b>				
-	Các đường trong khu dân cư	1,0			
<b>10.3 b</b>	<b>Khu dân cư Lê Thịnh</b>				
-	Các đường trong khu dân cư	1,1			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>10.4</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>11</b>	<b>Xã An Định</b>				
<b>11.1</b>	<b>Đường ĐT641</b>				
-	Đoạn từ đình Đèo Thị đến công chôn Đèo Thị (nhà ông Tiễn)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công chôn Đèo Thị đến ranh giới huyện Đồng Xuân	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>11.2</b>	<b>Đường ĐT650: Đoạn từ cầu Cây Cam đến giáp ranh xã An Nghiệp</b>	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>11.3</b>	<b>Đường Hòn Đồn đi An Lĩnh: Từ đường sắt đến cầu Bà Chứa</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>11.4</b>	<b>Các đường liên thôn</b>				
-	Đường từ đường ĐT641 đến khu dân cư (Trường Tiểu học cũ)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường giáp thị trấn Chí Thạnh (cầu Ngân Sơn) đi đến Trường Tiểu học cũ	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường ĐT641 (thôn Phong Hậu) đến ngã ba đi Long Hòa	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>11.5</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>12</b>	<b>Xã An Nghiệp</b>				
<b>12.1</b>	<b>Đường ĐT650</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Định đến trảng (cũ) vùng 9 An Nghiệp	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trảng (cũ) vùng 9 An Nghiệp đến cầu Ông Tài	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Ông Tài đến giáp ranh xã An Xuân	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>12.2</b>	<b>Đường Hòn Đồn đi An Lĩnh</b>				
-	Đoạn từ giáp xã An Định đến cống Cây Đông	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cống Cây Đông đến giáp ranh xã An Lĩnh	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>12.3</b>	<b>Các đường liên thôn</b>				
-	Đường từ ĐT650 đến vùng 3 An Nghiệp				
+	Đoạn từ ĐT650 đến cống Lập Lãng	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ cống Lập Lãng đến ngã ba vùng 3 An Nghiệp	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ĐT650 (ngã ba vùng 10) đến hồ Đồng Tròn	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ cầu hồ Đồng Tròn đến đập Thế Hiến	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường đi vùng 12, vùng 13				
+	Đoạn từ đường ĐT650 đến ngã ba nhà ông Tăng Ngọc Châu	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
+	Đoạn từ nhà ông Tăng Ngọc Châu đến khu dân cư vùng 13	1,2	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Tăng Ngọc Châu đến khu dân cư vùng 12	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ĐT650 đến Hóc Bò				
+	Đoạn từ ĐT650 đến công viên vùng 9	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ công viên vùng 9 đến bờ cao nhà ông Chương	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>12.4</b>	<b>Đường liên thôn, xóm</b>				
-	Đoạn từ ngã ba phân Trường Tiêu học Định Phong đến sân kho vùng 4, thôn Định Phong	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công Cây Đông đến khu dân cư Trảng Đé	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ khu dân cư Trảng Đé đến cuối xóm Hóc Lá, vùng 2A, thôn Định Phong	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã Bản Tin thôn Thê Hiên đến Đập Thê Hiên	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>12.5</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>B</b>	<b>Xã miền núi (3 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã An Thọ</b>				
<b>1.1</b>	<b>Đường ĐT643</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Mỹ đến cuối xóm Đất Cày thôn Tân Lập	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cuối thôn Tân Lập đến giáp Sơn Hòa	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>1.2</b>	<b>Các đường xã lộ</b>				
-	Đường từ dốc Súc thôn Phú Cần đến đầu dốc Lầy thôn Phú Cần	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Chòm Bắc thôn Phú Cần đến cầu Lỗ Găng thôn Phú Mỹ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Trảng Hòn Gió đến cuối thôn Lam Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>1.3</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Xã An Xuân</b>				
<b>2.1</b>	<b>Đường ĐT650</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Nghiệp đến đầu thôn Xuân Yên	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ thôn Xuân Yên đến đường vào UBND xã	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường vào UBND xã đến Sơn Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>2.2</b>	<b>Các đường liên thôn</b>				
-	<b>Đường từ ĐT650 đến cuối thôn Xuân Trung</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
+	Đoạn giáp đường ĐT650 (từ UBND xã) đến đầu thôn Xuân Trung	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ Nhà văn hóa thôn Xuân Trung đến cuối thôn Xuân Trung	1,0	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ nhà văn hóa thôn Xuân Hòa đến nhà ông Ninh</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>2.3</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Xã An Lĩnh</b>				
<b>3.1</b>	<b>Đường Hòn Đồi đi An Lĩnh:</b> Đoạn từ giáp ranh xã An Nghiệp đến UBND xã An Lĩnh	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>3.2</b>	<b>Đường liên xã:</b> Đoạn từ đầu chợ Phong Thái đi Giếng Đông-An Nghiệp	1,0	1,0	1,0	
<b>3.3</b>	<b>Các đường liên thôn</b>				
-	Đường từ công thôn Phong Lãnh đến dốc Chùa thôn Phong Lãnh (giáp Long Đức-Chí Thanh)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ đầu thôn Phong Thái đến cuối thôn Quang Thuận	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba Hòn Dung thôn Thái Long đến xóm Giồng Sắt thôn Vĩnh Xuân	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ đầu xóm Gò đến cuối xóm Tiêng thôn Tư Thạnh	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>3.4</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>IV</b>	<b>Huyện Phú Hòa (8 xã)</b>				
<b>A</b>	<b>Vùng đồng bằng (7 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Hòa An</b>				
<b>1.1</b>	<b>Quốc lộ 25</b>				
-	Đoạn từ ranh giới thành phố Tuy Hòa đến phía Đông dự án An Hưng (thuộc phía Nam QL25), đến nhà ông Quý (thuộc phía Bắc QL25)	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ phía Đông dự án An Hưng (thuộc phía Nam QL25), đến nhà ông Quý (thuộc phía Bắc QL25) đến QL1A	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ Quốc lộ 1A đến ranh giới xã Hòa Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>1.2</b>	<b>Xã lộ 21</b>				
-	Đoạn từ ranh giới Bình Ngọc đến QL1A				
+	Đoạn từ ranh giới Bình Ngọc đến ngã tư đường liên xã	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ ngã tư đường liên xã đến QL1A	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ QL1A đến cầu ông Nhân	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu ông Nhân đến ranh giới xã Hòa Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
1.3	<b>Tỉnh lộ 7:</b> Đoạn từ ranh giới Bình Ngọc đến QL25	1,0	1,0	1,0	1,0
1.4	<b>Xã lộ 22:</b> Đoạn từ ranh giới Bình Ngọc-Hòa An đến ranh giới xã Hòa Trị				
+	Đoạn từ ranh giới Bình Ngọc-Hòa An đến QL25	1,6	1,4	1,1	1,1
+	Đoạn từ QL25 đến ranh giới xã Hòa Trị	1,2	1,1	1,0	1,0
1.5	<b>Đường liên xã Hòa An-Hòa Thăng-thị trấn Phú Hòa</b>				
-	Đoạn từ QL25 đến ngã tư xã lộ 21	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư xã lộ 21 đến QL1A	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ QL1A đến ranh giới xã Hòa Thăng	1,0	1,0	1,0	1,0
1.6	<b>Đường liên thôn Phú Ân-Vĩnh Phú</b>				
-	Đoạn từ QL25 đến cầu ông Nhân	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu ông Nhân đến đường liên xã Hòa An, Hòa Thăng, thị trấn Phú Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
1.7	<b>Đường từ QL25 (cầu số 4) đến ranh giới xã Hòa Trị</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
1.8	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	<b>Xã Hòa Thăng</b>				
2.1	<b>Quốc lộ 25</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh giới xã Hòa An đến trụ Km8	1,4	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ trụ Km8 đến trụ Km9	1,6	1,4	1,3	1,3
-	Đoạn từ trụ Km9 đến giáp ranh giới thị trấn Phú Hòa	1,3	1,2	1,2	1,2
2.2	<b>Xã lộ 21:</b> Đoạn từ ranh giới Hòa An đến QL25	1,0	1,0	1,0	1,0
2.3	<b>Xã lộ 25:</b> Đoạn từ QL25 đến ranh giới xã Hòa Định Đông				
+	Đoạn từ đường liên xã Hòa An-Hòa Thăng-thị trấn Phú Hòa đến QL25	1,4	1,3	1,3	1,3
+	Đoạn từ QL25 đến ngã tư Gò 7 Hẹ	1,8	1,5	1,3	1,3
+	Đoạn từ ngã tư Gò 7 Hẹ đến ranh giới xã Hòa Định Đông	1,4	1,3	1,3	1,3
2.4	<b>Đường liên xã Hòa An-Hòa Thăng-thị trấn Phú Hòa:</b> Đoạn từ ranh giới Hòa An-Hòa Thăng đến ranh giới Hòa Thăng-thị trấn Phú Hòa				
+	Đoạn ranh giới xã Hòa An đến cầu Chợ	1,3	1,2	1,2	1,2
+	Đoạn từ cầu Chợ đến cầu Lý Hồng Thạch	1,6	1,2	1,2	1,2
+	Đoạn đến ranh giới thị trấn Phú Hòa	1,3	1,2	1,2	1,2
2.5	<b>Đường liên xã Hòa Thăng-Hòa Trị:</b> Đoạn từ cầu Đông Lộc đến ranh giới xã Hòa Trị	1,3	1,2	1,2	1,2

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>2.6</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Xã Hòa Định Đông</b>				
<b>3.1</b>	<b>Xã lộ 25:</b> Đoạn từ ranh giới xã Hòa Thăng đến ranh giới xã Hòa Quang Nam	1,7	1,2	1,2	1,2
<b>3.2</b>	<b>Đường vào làng nghề bún Định Thành từ đường xã lộ 25 đến xóm bún</b>	1,3	1,2	1,2	1,2
<b>3.3</b>	<b>Đường ô tô đến trung tâm xã Hoà Định Đông từ kênh N1 đến cầu ông Chung</b>	1,3	1,2	1,2	1,2
<b>3.4</b>	<b>Đường liên xã Hòa Quang Nam-Hòa Quang Bắc-Hòa Định Đông:</b> Đoạn từ ranh giới Hòa Quang Nam đến thôn Định Thái	1,3	1,2	1,2	1,2
<b>3.5</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,3	1,2	1,2	1,2
<b>4</b>	<b>Xã Hòa Định Tây</b>				
<b>4.1</b>	<b>Quốc lộ 25</b>				
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn Phú Hòa đến trụ Km22	1,5	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ trụ Km22 đến ranh giới xã Hòa Hội	1,5	1,2	1,2	1,2
<b>4.2</b>	<b>Đường liên thôn Cẩm Thạch-Phú Sen</b>	1,6	1,1	1,1	1,1
<b>4.3</b>	<b>Đường bờ vùng hàng dừa</b>	1,4	1,1	1,1	1,1
<b>4.4</b>	<b>Đường từ cầu UBND xã đến đường liên thôn Cẩm Thạch, Phú Sen</b>	1,6	1,1	1,1	1,1
<b>4.5</b>	<b>Đường bờ vùng sân kho 3 từ QL25 đến đường liên thôn</b>	1,2	1,1	1,1	1,1
<b>4.6</b>	<b>Đường bờ vùng suối bà Lượng từ QL25 đến đường liên thôn</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>4.7</b>	<b>Các đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>5</b>	<b>Xã Hòa Trị</b>				
<b>5.1</b>	<b>Xã lộ 22</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Hòa An đến cầu Chui thôn Phước Khánh	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Chui thôn Phước Khánh đến UBND xã Hòa Trị	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ UBND xã Hòa Trị đến ranh giới xã Hòa Quang Nam	1,3	1,2	1,2	1,2
<b>5.2</b>	<b>Đường liên xã Hòa Thăng-Hòa Trị:</b> Đoạn từ xã lộ 22 đến ranh giới xã Hòa Thăng	2,4	1,4	1,4	1,4
<b>5.3</b>	<b>Đường liên xã Hòa Trị-Hòa Kiến:</b> Đoạn từ xã lộ 22 đến ranh giới xã Hòa Kiến	1,1	1,1	1,1	1,1
<b>5.4</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,4	1,4	1,2	1,2

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>5.5</b>	<b>Khu dân cư thôn Phụng Tường 1</b>				
-	Đường liên xã Hòa Thăng-Hòa Trị ( <i>đoạn qua khu dân cư thôn Phụng tường 1</i> )	1,2			
-	Đường số 1:				
+	Đoạn rộng 9mét	1,2			
+	Đoạn rộng 5mét	1,2			
-	Đường số 2 và đường số 3 rộng 9mét	1,2			
<b>6</b>	<b>Xã Hòa Quang Bắc</b>				
<b>6.1</b>	<b>Xã lộ 22</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Hòa Trị đến cây xăng Hòa Quang Nam	1,6	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ cây xăng Hòa Quang Nam đến chợ Hạnh Lâm +100mét	1,6	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ chợ Hạnh Lâm +100mét đến Dốc Hào Hai	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Dốc Hào Hai đến giáp ranh giới Khu NN ứng dụng công nghệ cao	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>6.2</b>	<b>Trục đường chính Khu NN ứng dụng công nghệ cao (từ kênh N1 đến ngã ba bản tin điểm kinh tế mới)</b>	1,6	1,4	1,3	1,3
<b>6.3</b>	<b>Xã lộ 25</b>				
-	Đoạn từ xã lộ 22 đến cầu Vôi núi Miêu (trong Bảng giá đất 2014: Đoạn từ ranh giới Hòa Quang Nam đến cầu Vôi)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Vôi núi Miêu đến ranh giới kênh N1	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>6.4</b>	<b>Đường liên xã Hòa Quang Nam-Hòa Quang Bắc-Hòa Định Đông: Đoạn từ xã lộ 22 đi Bàu Tròn đến ranh giới xã Hòa Quang Nam</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>6.5</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>6.6</b>	<b>Khu công nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên</b>				
-	Trục đường chính nối dài	1,0			
-	Đường D2, D4	1,0			
-	Đường N2, N5, N6, N7, N10 (rộng 11,5mét)	1,0			
<b>7</b>	<b>Xã Hòa Quang Nam</b>				
<b>7.1</b>	<b>Xã lộ 22</b>				
-	Đoạn từ ranh giới Hòa Trị đến cây xăng Hòa Quang Nam	1,4	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cây xăng Hòa Quang Nam đến chợ Hạnh Lâm +100mét	1,3	1,0	1,0	1,0
<b>7.2</b>	<b>Xã lộ 25: Đoạn từ ranh giới Hòa Định Đông đến ranh giới xã Hòa Quang Bắc</b>	1,3	1,2	1,2	1,2

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>7.3</b>	<b>Đường kết nghĩa xã Hòa Quang Nam</b>				
-	Đoạn từ kênh N5 đến kênh N3 (cũ)	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ kênh N3 (cũ ) đến ngã ba cầu Phú Thạnh	1,4	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ cầu Phú Thạnh đến tổ hợp tác Sơn Phú	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>7.5</b>	<b>Đường liên xã Hòa Quang Nam-Hòa Quang Bắc-Hòa Định Đông:</b> Đoạn từ thôn Mậu Lâm Nam đến thôn Quang Hưng	1,2	1,1	1,1	1,1
<b>7.6</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1	1,4	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>B</b>	<b>Vùng miền núi (1 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Hòa Hội</b>				
<b>1.1</b>	<b>Quốc lộ 25</b>				
-	Đoạn từ ranh giới Hòa Định Tây-Hòa Hội đến trụ Km28	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trụ Km28 đến Km28+400 (ngã tư Trường Tiểu học Hòa Hội)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km28+400 đến Km29+100	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km29+100 đến Km29+200	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km29+200 đến Km29+600	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km 29+600 đến ranh giới xã Sơn Hà	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>1.2</b>	<b>Đường liên thôn Phong Hậu-Nhất Sơn</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>1.3</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>V</b>	<b>Huyện Đông Hòa</b>				
<b>A</b>	<b>Vùng đồng bằng (8 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Hòa Thành</b>				
<b>1.1</b>	<b>Đường liên thôn:</b> Từ cầu sắt vùng 3 Phước Lộc 1 đến cổng văn hóa thôn Lộc Đông	1,5	1,2	1,1	1,1
<b>1.2</b>	<b>Đường ĐT645</b>				
-	Đoạn từ Trạm bơm Phú Lâm đến Bưu điện văn hóa thôn Lộc Đông	1,5	1,2	1,1	1,1
-	Đoạn từ Bưu điện văn hóa thôn Lộc Đông đến ranh giới xã Hòa Bình 1	1,5	1,2	1,1	1,1
<b>1.3</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1	1,5	1,2	1,1	1,1
-	Khu vực 2	1,3	1,2	1,1	1,1
<b>1.4</b>	<b>Điểm dân cư thôn Phước Bình Nam</b>				
-	Đường bê tông rộng 5,5mét	1,2			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>2</b>	<b>Xã Hòa Tân Đông</b>				
<b>2.1</b>	<b>Quốc lộ 29</b>				
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn Hòa Vinh đến ranh giới thôn Phú Đa và thôn Phú Lương (đường vào nhà ông Nguyễn Chợ)	1,5	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ranh giới thôn Phú Đa và thôn Phú Lương đến ranh giới xã Hòa Tân Tây	1,5	1,2	1,0	1,0
<b>2.2</b>	<b>Đoạn Kè Phú Đa</b>	1,4	1,1	1,0	1,0
<b>2.3</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1	1,4	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Xã Hòa Hiệp Bắc</b>				
<b>3.1</b>	<b>Đường liên huyện</b>				
-	Đoạn từ ranh giới phường Phú Thạnh đến UBND xã (nhà ông Ngô Ân)	1,5	1,3	1,2	1,1
-	Đoạn từ UBND xã (nhà ông Ngô Ân) đến ranh giới thị trấn Hòa Hiệp Trung	1,5	1,3	1,2	1,1
<b>3.2</b>	<b>Tuyến đường ven biển (đại lộ Hùng Vương):</b> Đoạn từ giáp phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa đến giáp thị trấn Hòa Hiệp Trung	1,7			
<b>3.3</b>	Đường từ đường liên huyện đến công chính KCN Hòa Hiệp 1	1,8	1,5	1,2	1,2
<b>3.4</b>	<b>Khu Tái định cư thuộc dự án Tuyến nối QL1 (Đông Mỹ) đến KCN Hòa Hiệp (giai đoạn 1)</b>				
	Đường rộng 16mét	1,4			
	Đường rộng 10mét	1,2			
<b>3.5</b>	<b>Khu dân cư thôn Uất lâm</b>				
-	Đường rộng 9mét	1,5			
-	Đường rộng 5mét	1,4			
<b>3.6</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1	1,5	1,3	1,2	1,1
-	Khu vực 2	1,3	1,2	1,1	1,1
<b>4</b>	<b>Xã Hòa Hiệp Nam</b>				
<b>4.1</b>	Đoạn từ ranh giới thị trấn Hòa Hiệp Trung đến Trường THCS Trần Kiệt (đường liên xã)	1,7	1,4	1,0	1,0
<b>4.2</b>	<b>Tuyến đường ven biển (đại lộ Hùng Vương)</b>				
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn Hòa Hiệp Trung đến Bắc cầu Đà Nông	1,7	1,5	1,2	1,0
<b>4.3</b>	<b>Khu tái định cư Phú Lạc (giai đoạn 1)</b>				
-	Đường rộng 24mét; 20mét	1,4			
-	Đường rộng 16mét; 12mét	1,3			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>4.4</b>	<b>Khu tái định cư Phú Lạc (giai đoạn 2)</b>				
-	Đường rộng 24mét; 20mét	1,4			
-	Đường rộng 16mét; 12mét	1,3			
<b>4.5</b>	<b>Khu tái định cư phục vụ khu công nghiệp Hòa Hiệp giai đoạn 2: Các đường rộng 30mét; 16mét; 12mét; 10mét; 9mét</b>	1,3			
<b>4.6</b>	<b>Khu tái định cư Phú Lạc, phục vụ đường dẫn cầu Đà Nông (giai đoạn 2): Các đường rộng 12mét; 5mét</b>	1,3			
<b>4.7</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1	1,5	1,2	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,4	1,2	1,0	1,0
<b>5</b>	<b>Xã Hòa Tâm</b>				
<b>5.1</b>	<b>Quốc lộ 29</b>				
-	Từ cầu Đà Nông đến ranh giới xã Hòa Xuân Nam	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Từ giáp ranh Cảng Bãi Góc đến ranh giới xã Hòa Xuân Nam	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>5.2</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>6</b>	<b>Xã Hòa Xuân Nam</b>				
<b>6.1</b>	<b>Quốc lộ 29</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Hòa Tâm đến nhà ông Phạm Hùng	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Phạm Hùng đến kho Xăng dầu Vũng Rô	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ QL1 đến nhà ông Phạm Hùng	1,2			
<b>6.2</b>	<b>Quốc lộ 1A</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Hòa Xuân Đông đến cầu Sông Mới	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Sông Mới đến chân Đèo Cả (nhà ông Trần Thanh Hóa)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ chân Đèo Cả (nhà ông Trần Thanh Hóa) đến ranh giới xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>6.3</b>	<b>Đường từ điểm nối Quốc lộ 1 đến điểm nối Quốc lộ 29</b>	1,1			
<b>6.4</b>	<b>Khu tái định cư Hàm đường bộ Đèo Cả</b>				
-	<b>Đường D9:</b> Đoạn từ D1 đến D2	1,2			
-	<b>Đường D2:</b> Đoạn từ D9 đến D3	1,2			
-	<b>Đường D9:</b> Đoạn từ D2 đến D7	1,2			
-	Các đoạn đường còn lại trong Khu tái định cư	1,1			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>6.5</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>7</b>	<b>Xã Hòa Xuân Đông</b>				
<b>7.1</b>	<b>Quốc lộ 1A</b>				
-	Đoạn từ ranh giới Hòa Xuân Tây đến nương thủy lợi Nam Bình	1,8	1,4	1,0	1,0
-	Đoạn từ nương thủy lợi Nam Bình đến cầu Cây Tra	1,3	1,3	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Cây Tra đến ranh giới xã Hòa Xuân Nam	1,3	1,0	1,0	1,0
<b>7.2</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>7.3</b>	<b>Điểm dân cư dãy phố chợ trung tâm thôn Bàn Thạch</b>				
-	Các đoạn đường rộng 6mét	1,6			
<b>8</b>	<b>Xã Hòa Xuân Tây</b>				
<b>8.1</b>	<b>Quốc lộ 1A: Từ cầu Bàn Thạch đến ranh giới xã Hòa Xuân Đông</b>	1,8	1,5	1,1	1,0
<b>8.2</b>	<b>Đường liên thôn: Từ chùa Phước Long đến Khu tái định cư</b>	1,6	1,3	1,1	1,0
<b>8.3</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1	1,4	1,1	1	1
-	Khu vực 2	1,3	1,1	1	1
<b>VI</b>	<b>Huyện Tây Hòa (10 xã)</b>				
<b>A</b>	<b>Xã đồng bằng (6 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Hòa Tân Tây</b>				
<b>1.1</b>	<b>Quốc lộ 29</b>				
-	Đoạn từ cầu Ga Gò Mâm mới đến nhà hàng Dạ Thảo 3 (sau khi đã đầu tư hạ tầng)	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà hàng Dạ Thảo 3 đến giáp phía Tây Trường THCS Phạm Đình Quy	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp phía Tây Trường THCS Phạm Đình Quy đến cầu Tạ Bích	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Tạ Bích đến giáp đường bê tông phía Đông nhà ông Đặng Văn Quế	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường bê tông phía Đông nhà ông Đặng Văn Quế đến giáp ranh giới xã Hòa Tân Đông, Đông Hòa	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn đường từ ga Gò Mâm cũ đến giáp Quốc lộ 29 mới	1,4	1,2		
<b>1.2</b>	<b>Đường bờ kênh N1: Đoạn từ cống (đi ra nhà</b>	1,2	1,2	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	ông Nguyễn Dũng) đến giáp ranh xã Hòa Tân Đông				
<b>1.3</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại</b>				
-	Khu vực 1	3,0	2,5	1,3	1,0
-	Khu vực 2	2,0	1,5	1,0	1,0
<b>2.</b>	<b>Xã Hòa Đồng</b>				
<b>2.1</b>	<b>Đường liên xã Phú Thứ-Hòa Thịnh</b>				
-	Từ ranh giới thị trấn Phú Thứ đến ngã ba Phú Diễn	5,0	4,0	1,2	1,0
-	Từ ngã ba Phú Diễn đến Trường THCS Nguyễn Thị Định	5,0	4,0	1,2	1,0
-	Từ Trường THCS Nguyễn Thị Định đến ranh giới xã Hòa Mỹ Đông	6,0	5,0	1,2	1,0
<b>2.2</b>	<b>Đường từ cầu Dâu xã 10 đến nhà ông Tám Nhơn</b>	1,3	1,3	1,0	1,0
<b>2.3</b>	<b>Đường từ cầu Dâu xã 10 đến nhà ông Tám Phú</b>	1,1	1,3	1,0	1,0
<b>2.4</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại</b>				
-	Khu vực 1	3,0	2,5	1,2	1,0
-	Khu vực 2	2,0	1,5	1,1	1,0
<b>3</b>	<b>Xã Hòa Bình 1:</b>				
<b>3.1</b>	<b>Đường ĐT645:</b>				
-	Từ ranh giới xã Hòa Thành đến cây xăng HTXNN.KD DV Hòa Bình 1	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Từ cây xăng HTXNN.KD DV Hòa Bình 1 đến cầu Bà Kế	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Từ cầu Bà Kế đến ranh giới thị trấn Phú Thứ	1,4	1,2	1,0	1,0
<b>3.2</b>	<b>Đường Bờ kênh Nam: Đoạn từ cầu Bà Nhún Phước Nông đến cầu ông Bốn Chân</b>	2,0			
<b>3.3</b>	<b>Các đoạn đường còn lại</b>				
-	Khu vực 1	1,5	1,2	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Xã Hòa Phú</b>				
<b>4.1</b>	<b>Quốc lộ 29:</b>				
-	Đoạn từ cầu Lương Phước đến đường vào nhà thờ Tin lành	2,0	1,3	1,2	1,1
-	Đoạn từ ranh giới cầu Lạc Mỹ đến giáp xã Sơn Thành Đông	1,6	1,3	1,2	1,1
-	Các đoạn đường còn lại Quốc lộ 29	1,3	1,3	1,2	1,1
<b>4.2</b>	<b>Đường Xếp Thông-Núi Lá đi Hòa Mỹ Tây</b>	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>4.3</b>	<b>Các đoạn đường còn lại</b>				
-	Khu vực 1	1,7	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Khu vực 2	1,5	1,0	1,0	1,0
<b>5</b>	<b>Xã Hòa Phong</b>				
5.1	<b>Quốc lộ 29:</b>				
-	Đoạn giáp ranh từ thị trấn Phú Thứ đến cầu Ga, Mỹ Thạnh Đông 1	1,5	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ cầu Ga, Mỹ Thạnh Đông 1 đến hết khu dân cư mới chùa Mỹ Quang	1,5	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ chùa Mỹ Quang đến giáp ranh xã Hòa Phú	1,5	1,4	1,4	1,4
5.2	<b>Đường bờ kênh Nam</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh thị trấn Phú Thứ đến cầu Ga, Mỹ Thạnh Đông 1	1,4	1,4		
-	Đoạn từ cầu Ga, Mỹ Thạnh Đông 1 đến hết khu dân cư mới chùa Mỹ Quang	1,4	1,4		
-	Đoạn từ chùa Mỹ Quang đến giáp ranh xã Hòa Phú	1,5	1,5		
5.3	<b>Đường cầu Ga đi xã Hòa Đông theo Kênh N6</b>				
-	Đoạn từ cầu Ga đến cầu ông Ba Thu	1,5	1,5	1,5	1,5
-	Đoạn từ cầu ông Ba Thu đến giáp xã Hòa Đông	1,5	1,5	1,5	1,5
5.4	<b>Đường từ nghĩa trang huyện đi xã Hòa Mỹ Đông theo Kênh N4 đến giáp đường liên xã Hòa Phong-Phú Nhiêu</b>	1,5	1,5	1,5	1,5
5.5	<b>Đường liên xã Hòa Phong-Phú Nhiêu (Hòa Mỹ Đông)</b>				
-	Đoạn từ cầu Hào Ba đến bìa phía Bắc núi Đát (điểm sinh hoạt dân cư Mỹ Thạnh Trung 2)	1,5	1,5	1,4	1,4
-	Đoạn còn lại	1,5	1,5	1,5	1,5
5.6	<b>Các đoạn đường còn lại</b>				
-	Khu vực 1	1,5	1,5	1,5	1,5
-	Khu vực 2	1,5	1,5	1,4	1,4
<b>6</b>	<b>Xã Hòa Mỹ Đông</b>				
6.1	<b>Đường liên xã Phú Thuận-Mỹ Thành</b>				
-	Đoạn từ cầu Đức đến Trụ sở UBND xã Hòa Mỹ Đông	5,0	4,0	1,2	1,1
-	Đoạn từ Trụ sở UBND xã đến Trường Tiểu học số 2 (Vườn Thị)	3,0	2,0	1,2	1,1
-	Đoạn từ Trường Tiểu học số 2 (Vườn Thị) đến giáp xã Hòa Mỹ Tây	2,0	1,3	1,2	1,1
6.2	<b>Đường từ Xuân Mỹ đến thôn Cảnh Tịnh, xã Hòa Thịnh:</b> Đoạn từ ngã ba Vườn Thị đến Trụ sở thôn Xuân Mỹ	1,4	1,3	1,3	1,3
6.3	<b>Đường Xếp Thông-Núi Lá (giai đoạn 2):</b> Đoạn từ ngã ba Trụ sở UBND xã Hòa Mỹ Đông đến Trường UNECEP (cũ)	2,0	1,1	1,1	1,1

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>6.4</b>	<b>Khu vực xung quanh chợ Phú Nhiêu</b>	4,0			
<b>6.5</b>	<b>Đường liên xã Phú Thứ-Hòa Thịnh</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Hòa Đông đến đường bê tông xi măng (Phú Thuận đi Phú Nhiêu)	2,0	1,3	1,1	1,1
-	Đoạn từ đường bê tông xi măng (Phú Thuận đi Phú Nhiêu) đến giáp xã Hòa Thịnh	2,0	1,3	1,1	1,1
<b>6.6</b>	<b>Đường liên xã Phú Nhiêu-Hòa Phong</b>				
-	Đoạn từ Cửa hàng ông Nguyễn Văn Phú đến Trụ sở thôn Vạn Lộc	3,0	2,0	1,6	2,0
-	Đoạn từ Trụ sở thôn Vạn Lộc đến giáp xã Hòa Phong	3,5	2,3	2,3	2,0
<b>6.7</b>	<b>Các đoạn đường còn lại</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	2,0	2,0	2,0	1,5
<b>B</b>	<b>Xã miền núi (4 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Hòa Mỹ Tây</b>				
<b>1.1</b>	<b>Đường liên xã Phú Thuận-Mỹ Thành</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Hòa Mỹ Đông đến nhà ông Nguyễn Hích	1,7	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Hích đến cầu Bầu Sen	2,0	1,5	1,1	1,1
-	<b>Đoạn từ nhà ông Nguyễn Kim Định đến đội 1 Quảng Mỹ (Huyện xếp đoạn chưa liên tục)</b>	2,0	1,5	1,1	1,1
-	Đoạn từ cầu Bầu Sen đến nhà ông Trần Thiện Khiêm	1,5	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Trần Thiện Khiêm đến cầu Bến Nhiều	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Bến Nhiều đi Bến Mít	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bến Mít đến giáp ranh thủy điện Đá Đen	1,2			
<b>1.2</b>	<b>Đường Xếp Thông-Núi Lá (giai đoạn 1) đi Hòa Phú</b>				
-	Đoạn từ UBND xã đến cầu Khui	2,0	1,5	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Khui đến giáp ranh xã Hòa Phú	1,8	1,3	1,0	1,0
<b>1.3</b>	<b>Đường từ Ga Hòn Sặc đến giáp xã Hòa Mỹ Đông</b>				
-	Đoạn từ Ga Hòn Sặc đến Trường Mầm non (Đội 5 cũ)	2,0	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trường Mầm non (đội 5 cũ) đến giáp xã Hòa Mỹ Đông	2,0	1,1	1,0	1,0
<b>1.4</b>	<b>Đường Xếp Thông-Núi Lá (giai đoạn 2) đi Hòa Mỹ Đông: Đoạn từ Cầu khui đến giáp ranh xã Hòa Mỹ Đông</b>	1,5	1,2	1,0	1,0
<b>1.5</b>	<b>Đường liên xã Hòa Mỹ Tây-Sơn Thành Đông: Đoạn từ Bến Mít đến giáp xã Sơn Thành Đông</b>	1,5			
<b>1.6</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Khu vực 1	1,2	1,5	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,5	1,1	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Xã Hòa Thịnh</b>				
<b>2.1</b>	<b>Đường liên xã Phú Thứ-Hòa Thịnh</b>				
-	Đoạn từ cầu Bến Cui đến nhà ông Chính	2,0	1,5	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Chính thôn Mỹ Hòa đến nhà ông Thuốt thôn Mỹ Xuân 2	3,0	2,0	1,2	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Thuốt đến Trạm kiểm lâm	1,5	1,2	1,0	1,0
<b>2.2</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,5	1,2	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Xã Sơn Thành Đông</b>				
<b>3.1</b>	<b>Quốc lộ 29:</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã Hòa Phú đến công Hòa Bình thôn Phú Thịnh	2,5	2,0	1,5	1,0
-	Đoạn từ công Hòa Bình đến Xưởng cưa Thành Sơn	6,0	5,0	3,0	1,0
-	Đoạn từ Xưởng cưa Thành Sơn đến giáp xã Sơn Thành Tây	1,7	1,5	1,0	1,0
3.2	Đường từ QL29 đến ngã ba nhà Nguyễn Định thôn Lễ Lộc Bình	3,0	3,0	1,0	1,0
3.3	Đường từ QL29 đến Trường Tiểu học số 2 thôn Phú Thịnh	3,0	3,0	1,0	1,0
3.4	Đường từ QL29 đến Trường Tiểu học số 2 thôn Lạc Điền	3,0	3,0	1,0	1,0
3.5	Đường từ QL29 đến ngã ba nhà Thiêu Văn Nửa thôn Bình Thắng	3,0	3,0	1,0	1,0
3.6	Đường từ QL29 đến nhà Nguyễn Lắc thôn Bình Thắng	3,0	3,0	1,0	1,0
3.7	Đường từ QL29 đến ngã tư nhà Nguyễn Xuân Thọ thôn Bình Thắng	3,0	3,0	1,0	1,0
3.8	Đường từ QL29 đến nhà Nguyễn Kỳ Xuất thôn Mỹ Bình	3,0	3,0	1,0	1,0
<b>3.9</b>	<b>Đường từ Quốc lộ 29 đi cầu Bến Mít</b>				
-	Đoạn từ QL29 đến nhà ông Trương Minh Tài	6,0	3,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Trương Minh Tài đến nhà ông Lê Nhường	2,0	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Lê Nhường đi đến cầu Bến Mít	1,5			
<b>3.10</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	2,0	2,0	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Xã Sơn Thành Tây</b>				
<b>4.1</b>	<b>Quốc lộ 29:</b>				
-	Đoạn từ giáp xã Sơn Thành Đông đến cuối đóc	6,0	3,0	2,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Công ty Vinacafe Sơn Thành				
-	Đường từ Nghĩa trang xã đến dốc Dáng Hương	4,0	1,5	1,0	1,0
-	Các đoạn còn lại Quốc lộ 29	1,5	1,2	1,0	1,0
<b>4.2</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại</b>				
-	Khu vực 1	1,5	1,5	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,5	1,2	1,0	1,0
<b>VII</b>	<b>Huyện Sông Hình</b>				
	<b>Vùng miền núi (9 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Sơn Giang</b>				
<b>1.1</b>	<b>Quốc lộ 29 (ĐT645 cũ):</b>				
-	Đoạn từ cầu Sông Nhau đến kênh tây thủy điện Sông Hình	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ kênh Tây thủy điện Sông Hình đến hết buôn Suối Biều	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ buôn Suối Biều đến giáp ranh giới xã Đức Bình Đông	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>1.2</b>	<b>Từ đường Quốc lộ 29 (ĐT645) đến thôn Hà Giang</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>1.3</b>	<b>Đường 20 tháng 7 (20/7):</b>				
-	Đoạn từ Quốc lộ 29 đến phân Trường Tiểu học Nam Giang (đường 20/7) (bổ sung mới)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trụ sở UBND xã Sơn Giang (cũ) đến Trường Tiểu học xã Sơn Giang	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>1.4</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Xã Đức Bình Đông</b>				
<b>2.1</b>	<b>Quốc lộ 29 (ĐT645):</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Sơn Giang đến giáp công Suối Gáo (đường vào mở khai thác đá)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công Suối Gáo (đường vào mở khai thác đá) đến cầu Sông Hình	1,3	1,2	1,0	1,0
<b>2.2</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Xã Ea Bia</b>				
<b>3.1</b>	<b>Quốc lộ 29 (ĐT645):</b>				
-	Đoạn từ cầu Sông Hình đến cầu suối Dù	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Suối Dù đến giáp diêm giáp ranh khu CN-TTCN (thị trấn)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ diêm giáp ranh khu CN-TTCN đến ranh giới thị trấn Hai Riêng	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>3.2</b>	<b>Đường ĐT649:</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn (cầu Ea Bia) đến cầu Đung Gia (nhà Ma Cách)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Đung Gia (nhà Ma Cách) đến giáp ranh giới xã Ea Trol	1,0	1,0	1,0	1,0
3.3	<b>Đường từ trảng suối Bệnh viện đến ngã ba Buôn Dành B đi Ea Trol</b>	1,6	1,0	1,0	1,0
3.4	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Xã Đức Bình Tây</b>				
4.1	<b>Đường ĐT649</b>				
-	Đoạn từ điểm đầu cầu Sông Ba đến cầu ông Nậy	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu ông Nậy đến cuối khu dân cư Buôn Quang Dù	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ khu dân cư Buôn Quang Dù đến giáp ranh giới thị trấn Hai Riêng	1,0	1,0	1,0	1,0
4.2	<b>Đường đi thôn Tuy Bình: Đoạn từ đường Quốc lộ 29 đến cuối thôn Tuy Bình</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
4.3	<b>Đường chợ: Đoạn từ đường ĐT649 đến ngã tư cuối nhà ông Nghị</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
4.4	<b>Đường thôn An Hòa: Từ ngã tư đường ĐT649 đi đến giáp đường số 9B cũ</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
4.5	<b>Đường đi đập chính thủy điện sông Ba Hạ: Đoạn từ ngã ba ĐT649 đi đến đập chính</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
4.6	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
4.7	<b>Khu dân cư thôn An Hòa</b>				
-	Đường liên thôn rộng 12mét (đoạn từ đường QL19C đến giáp đường D4)	1,3			
-	Đường D4 (đoạn từ giáp đường liên thôn rộng 12mét đến giáp đường QL19C), đường N3 (đoạn từ giáp đường D4 đến giáp đường QL19C) và đường N5 (đoạn từ giáp đường D4 đến giáp đường QL19C) rộng 6mét	1,3			
-	Các đường rộng 6mét còn lại	1,3			
<b>5</b>	<b>Xã Ea Trol</b>				
5.1	<b>Đường ĐT649:</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Ea Bia đến trảng Buôn Thu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trảng Buôn Thu đến cầu Suối Ea Trol	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Suối Ea Trol đến giáp ranh giới xã Sông Hình	1,0	1,0	1,0	1,0
5.2	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>6</b>	<b>Xã Sông Hinh</b>				
6.1	<b>Đường ĐT649:</b> Đoạn từ ranh giới xã Ea Trol đến ranh giới tỉnh Đắk Lắk	1,0	1,0	1,0	1,0
6.2	<b>Đoạn từ đường ĐT649 đi Suối Tre cũ</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
6.3	<b>Đoạn từ ĐT649 đến cuối Trường THCS xã Sông Hinh</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
6.4	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>7</b>	<b>Xã Ea Bar</b>				
7.1	<b>Quốc lộ 29 (ĐT645):</b>				
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn Hai Riêng đến ngã ba đi Buôn Ken xã Ea Bá	1,0	1,0		
-	Đoạn từ ngã ba đi Buôn Ken, Ea Bá đến UBND xã (Trụ sở mới)	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trụ sở UBND xã (mới) đến cầu Buôn Chung	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Buôn Chung đến giáp ranh giới xã Ea Ly	1,4	1,0	1,0	1,0
7.2	<b>Khu quy hoạch mới khu dân cư Buôn Trinh</b>				
-	Các đường rộng 14mét (trừ đường sát với đường ĐT645)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các đường và đoạn đường còn lại trong khu quy hoạch mới (rộng dưới 14mét)	1,0	1,0	1,0	1,0
7.3	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
7.4	<b>Đường Trường Sơn Đông</b>				
-	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 29 đến cống mở đá	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cống mở đá đến ngã ba đi xã Ea Bá	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đi xã Ea Bá đến ranh giới xã EaLâm	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>8</b>	<b>Xã Ea Ly</b>				
8.1	<b>Quốc lộ 29 (ĐT645):</b>				
-	Đoạn từ cầu ranh giới xã EaBar đến tràn Thanh niên xung phong	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ tràn Thanh niên xung phong đến cầu Ea Ly	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Ea Ly đến ranh giới tỉnh Đắk Lắk (cầu Erong Reng)	1,1	1,0	1,0	1,0
8.2	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
8.3	<b>Đường Trường Sơn Đông</b>				
-	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 29 đến Km492	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ Km492 đến ngã ba đi thôn Tân Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đi thôn Tân Sơn đến giáp ranh giới huyện M'Đrăk-tỉnh Đắk Lắk	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>9</b>	<b>Các xã Ea Bá và xã Ea Lâm</b>				
9.1	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
9.2	<b>Đường Trường Sơn Đông qua xã Ea Lâm</b>				
-	Đoạn từ diêm cầu suối Ô (giáp ranh huyện Krông Pa-tỉnh Gia Lai) đến Km481 (gần công Ea Sái)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km481 (gần công Ea Sái) đến giáp xã EaBar	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>VIII</b>	<b>Huyện Sơn Hòa</b>				
	<b>Vùng miền núi (13 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Sơn Hà</b>				
<b>1.1</b>	<b>Đường QL25</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh huyện Phú Hòa đến cột Km36	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cột Km36 đến cầu Sông Con	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Sông Con đến ngã ba (giao đường vào thôn Thạnh Hội)	1,5	1,3	1,1	1,0
-	Đoạn từ ngã ba (giao đường vào thôn Thạnh Hội) đến đường vào chùa Phước Điền	1,4	1,2	1,1	1,0
-	Đoạn từ đường vào chùa Phước Điền đến ranh giới xã Suối Bạc	1,4	1,1	1,1	1,0
<b>1.2</b>	<b>Đường ĐT648</b>				
-	Đoạn từ giao QL25 +100mét về hướng Bắc	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ giao QL25 +100mét về hướng Bắc đến cầu ngã hai	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>1.3</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>1.4</b>	<b>Đường 24/3: Từ ranh giới thị trấn Củng Sơn đến Quốc lộ 25 (mới bổ sung năm 2015)</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Xã Sơn Nguyên</b>				
<b>2.1</b>	<b>Đường ĐT648</b>				
-	Đoạn từ cầu ngã hai đến hết UBND xã + 150mét	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ranh UBND xã +150mét đến ranh giới xã Sơn Xuân	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>2.2</b>	<b>Đường đi từ thôn Nguyên An đi xã Suối Bạc</b>				
-	Đoạn từ ngã ba (giao đường ĐT648) thôn Nguyên An đến hết khu dân cư thôn Nguyên Cam	1,1	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ hết khu dân cư thôn Nguyên Cam đến ranh giới xã Suối Bạc	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>2.3</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Xã Suối Bạc</b>				
<b>3.1</b>	<b>Quốc lộ 25</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã Sơn Hà đến Trạm biến áp 35kV Tân Phú	1,5	1,1	1,1	1,0
-	Đoạn từ trạm biến áp 35kV Tân Phú đến hết chợ Suối Bạc	1,7	1,3	1,1	1,0
-	Đoạn từ chợ Suối Bạc đến giao đường Suối Bạc 1	1,3	1,1	1,1	1,0
-	Đoạn từ giao đường Suối Bạc 1 đến giao đường ĐT646 +200 mét (nay là giao đường QL19C)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường ĐT646 +200mét đến giáp ranh xã Eacha Rang (nay là đường QL19C +200mét)	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>3.2</b>	<b>Đường Trần Phú nối dài: Từ giáp ranh thị trấn Củng Sơn đến QL25</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh thị trấn Củng Sơn đến ngã tư (giao QL25) -200mét	1,5	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư (giao QL25) -200mét đến ngã tư (giao QL25)	1,7	1,2	1,1	1,0
<b>3.3</b>	<b>Đường ĐT646 (nay là đường Quốc lộ 19C)</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh thị trấn Củng Sơn đến Quốc lộ 25 -200mét	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Quốc lộ 25 -200mét đến Quốc lộ 25 +200 mét	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ QL25 +200mét đến ranh giới xã Sơn Phước	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>3.4</b>	<b>Đường Suối Bạc 1, Suối bạc 2, Suối Bạc 3, Suối Bạc 4</b>	1,8	1,1	1,0	1,0
<b>3.5</b>	<b>Đường 24/3: Từ ranh giới thị trấn Củng Sơn Đến Quốc lộ 25</b>				
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn Củng Sơn đến ngã ba (giao đường Suối Bạc 3) -100mét	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba (giao đường Suối Bạc 3) +100mét đến QL25	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>3.6</b>	<b>Đường đi thôn Suối Bạc</b>				
-	Đoạn từ ngã tư từ (giao QL25) đến hết ranh Trường Tiểu học Suối Bạc +200mét	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết ranh Trường Tiểu học Suối Bạc +200mét đến ngã ba (giao đường đi Hồ Bà võ) +100mét	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>3.7</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Xã Sơn Phước</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>4.1</b>	<b>Đường ĐT646 (nay là đường Quốc lộ 19C)</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Suối Bạc đến Cầu số 3	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu số 3 đến cầu Hiệp Lai	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Hiệp Lai đến hết ranh UBND xã +300mét	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết ranh UBND xã +300mét đến ranh giới xã Sơn Hội	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>4.2</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>5</b>	<b>Xã Eacha Rang</b>				
<b>5.1</b>	<b>Quốc lộ 25:</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Suối Bạc đến cầu Suối Tre	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Suối Tre đến cầu Eacha Rang	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Eacha Rang đến ranh giới xã Krông Pa	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>5.2</b>	<b>ĐH53</b>				
-	Đoạn từ QL25 đến ranh giới xã Suối Trai (đường vào Trụ sở văn phòng làm việc của Công ty Cổ phần Thủy điện sông Ba Hạ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường QL25 đến đường nội đồng (nhà ông Trần Văn Định)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường nội đồng (nhà ông Trần Văn Định) đến cầu Ma Va	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Ma Va đến ranh giới xã Suối Trai	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>5.3</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>6</b>	<b>Xã Krông Pa</b>				
<b>6.1</b>	<b>Quốc lộ 25</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Eacha Rang đến ngã tư - 200mét	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư -200mét đến hết ranh Trường Trung học cơ sở	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết ranh Trường Trung học cơ sở đến cầu Cà Lúi	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>6.2</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>7</b>	<b>Xã Suối Trai</b>				
<b>7.1</b>	<b>ĐH53</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Ea Charang và thị trấn Củng Sơn đến ngã ba Hà Đô	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Hà Đô đến ngã ba đi thôn Hoàn Thành	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ ngã ba đi thôn Hoàn Thành đến ranh giới xã Ea Charang	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>7.2</b>	<b>Các đường, đoạn đường trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>8</b>	<b>Xã Sơn Xuân</b>				
<b>8.1</b>	<b>Đường ĐT648</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Sơn Nguyên đến giáp UBND xã -100mét	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ UBND xã -100mét đến đầu Dốc Đỏ	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đầu Dốc Đỏ đến ranh giới xã Sơn Long	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>8.2</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>9</b>	<b>Xã Sơn Long</b>				
<b>9.1</b>	<b>Đường ĐT643</b>				
-	Đoạn từ ngã ba (giao ĐT643 với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa) đến (ngã tư) giao ĐT648 và đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa (cây xăng Vân Hòa)	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba (giao ĐT643 với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa-hồ Vân Hòa) đến hồ Suối Phèn	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ hồ Suối Phèn đến (ngã ba) giao ĐT643 với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>9.2</b>	<b>Đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa</b>				
-	Đoạn từ ranh giới huyện Tuy An đến ngã ba (giao ĐT643 với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa)	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba (giao ĐT643 với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa) đến ngã tư cây xăng Vân Hòa (giao ĐT643 với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa và ĐT648)	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư cây xăng Vân Hòa (giao ĐT643 với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa và ĐT648) đến hồ Suối Phèn	1,4	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ hồ Suối Phèn đến ngã ba (giao ĐT643)	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba (giao ĐT643) đến hết khu dân cư xóm Phong Cao	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết khu dân cư xóm Phong Cao đến ranh giới xã Sơn Định	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>9.3</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>10</b>	<b>Xã Sơn Định</b>				
<b>10.1</b>	<b>Đường ĐT643</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ nhà thờ Bác Hồ đến ngã tư thôn Hòa Bình (-200mét)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư thôn Hòa Bình -200mét đến giao (ngã ba) đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa (nay là đường Quốc lộ 19C)	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ giao (ngã ba) đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa (nay là đường Quốc lộ 19C) đến ranh giới xã Sơn Hội	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>10.2</b>	<b>Đường ĐT642</b>				
-	Đoạn từ ngã tư thôn Hòa Bình -200mét đến giao (ngã tư) với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa (nay là đường Quốc lộ 19C) +200mét	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ (ngã tư) với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa +200mét đến ngã ba thôn Hòa Thuận +100mét (nay là đường Quốc lộ 19C)	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>10.3</b>	<b>Đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Sơn Long đến ranh nhà thờ Bác Hồ	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ranh nhà thờ Bác Hồ đến ngã ba (giao với ĐT643)	1,4	1,0	1,0	1,0
<b>10.4</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>11</b>	<b>Xã Sơn Hội</b>				
<b>11.1</b>	<b>Quốc lộ 19C</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Sơn Phước đến Công qua đường (ruộng lúa nước)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Công qua đường (ruộng lúa nước) đến ngã tư Chợ Trà Kê	1,3	1,0	1,0	1,0
<b>11.2</b>	<b>Đường ngã tư Trà Kê-thôn Tân Thuận</b>				
-	Đoạn từ ngã tư Chợ Trà Kê đến hết UBND xã	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ UBND xã đến giao đường ĐH59	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>11.3</b>	<b>Đường ĐH55</b>				
-	Đoạn từ ngã tư Chợ Trà Kê đến hết ranh nhà ông Ba Bình	1,3	1,0	1,0	1,0
<b>11.3 a</b>	<b>Đường ngã ba Suối Tre-ĐH55</b>				
-	Đoạn từ ngã ba (nhà ông Ba Bình) đến hết ranh UBND xã +200mét	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>11.3 b</b>	<b>Đường ĐT646</b>				
-	Đoạn từ hết ranh UBND xã +200mét đến đường vào đập hồ Tân Lương	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường vào đập hồ Tân Lương đến công (ruộng lúa nước) qua đường	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công qua đường (ruộng lúa nước) đến ranh xã Phước Tân	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>11.4</b>	<b>Quốc lộ 19C</b>				
-	Đoạn từ ngã tư chợ Trà Kê đến ngã tư chợ Trà Kê +200mét	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư chợ Trà Kê +200mét đến Trạm kiểm soát lâm sản của Ban quản lý rừng phòng hộ	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trạm kiểm soát lâm sản của Ban quản lý rừng phòng hộ đến ranh giới xã Sơn Định	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>11.5</b>	<b>Đường ĐT646</b>				
-	Đoạn từ ngã ba địa chất (QL19C) đến giao (ngã ba) đường ngã ba thôn Tân Thuận	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>11.6</b>	<b>Đường ĐH55</b>				
-	Đoạn từ ranh nhà ông Ba Bình đến hết ranh nhà ông Trần Quốc Mỹ +100mét	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Trần Quốc Mỹ +100mét đến nhà ông Nguyễn Tấn Diên	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Tấn Diên đến ranh xã Cà Lúi	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>11.7</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>12</b>	<b>Xã Cà Lúi</b>				
<b>12.1</b>	<b>Đường ĐH55</b>				
-	Đoạn từ nhà ông Ra Lan Kính đến hết ranh nhà ông Sô Y Reo	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Sô Y Reo đến hết ranh xã Cà Lúi	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>12.2</b>	<b>Các đường, đoạn đường trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>13</b>	<b>Xã Phước Tân</b>				
<b>13.1</b>	<b>Đường ĐT646</b>				
-	Đoạn tiếp giáp xã Sơn Hội đến hết ranh nhà ông Sô Minh Cảnh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ranh nhà ông Sô Minh Cảnh đến hết ranh nhà ông Sô Đồng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ranh nhà ông Sô Đồng đến hết ranh xã Phước Tân	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>13.2</b>	<b>Đường Liên xã</b>				
-	Đường Ma Y-Suối Đá	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba (giao ĐT646) đi Gia Trụ	1,0	1,0	1,0	1,0
	Đường Ma Y-cầu Ea Ch'Điéc	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>13.3</b>	<b>Các đường, đoạn đường trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>IX</b>	<b>Huyện Đông Xuân</b>				
	<b>Vùng miền núi (10 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Xuân Long</b>				
<b>1.1</b>	<b>Đường ĐT641</b>				
-	Đoạn từ đóc Hồ Ô (giáp thị trấn La Hai) đến Bi bà Thiết	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bi bà Thiết đến cầu Hồ Chông (Long Thạch)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Hồ Chông (Long Thạch) đến giáp xã Xuân Lãnh	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>1.2</b>	<b>Đường giao thông nông thôn</b>				
-	Đoạn từ ĐT641 (từ ngã ba thôn Long Mỹ đến ngã ba ra Trạm bơm nước Long Mỹ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba ra Trạm bơm nước Long Mỹ đến giáp Long Bình-thị trấn La Hai	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trường Mẫu giáo đến nhà ông Phạm Ngọc Hậu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ĐT641 (Trụ sở UBND xã mới) đến nhà ông Phạm Ngọc Hậu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trụ sở thôn Long Hòa đến cầu bà Đoi	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trường Mẫu giáo thôn Long Hòa đến nhà ông Dương	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ nhà bà Nguyễn Thị Chín đến nhà ông Mai Văn Lượng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba (nhà ông Nguyễn Bảy) đến giáp xóm Khẩu thị trấn La Hai	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>1.4</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Xã Xuân Quang 2</b>				
<b>2.1</b>	<b>Đường La Hai-Đồng Hội</b>				
-	Đoạn từ giáp thị trấn La Hai đến Km3+804 (nhà ông Hồ Văn Số)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km3+804 (nhà ông Hồ Văn Số) đến Trạm bơm Vực Lò	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trạm bơm Vực Lò đến Nhà quản lý nước thôn Phú Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Nhà quản lý nước thôn Phú Sơn đến giáp xã Xuân Quang 1	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>2.2</b>	<b>Đường giao thông nông thôn</b>				
-	Đoạn đường từ ngã ba thôn Phước Huệ (nhà ông Võ Kim Sơn) đến ngã ba thôn Triêm Đức (nhà ông Đỗ Ngọc Nhờ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trường Tiểu học đến Công thôn văn hóa thôn Kỳ Đu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Công thôn văn hóa thôn Kỳ Đu đến Nhà	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	máy chế biến đá ốp lát Tâm Tín				
-	Đoạn đường từ Bưu điện văn hóa đến chợ Đồng Tranh cũ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Hữu Đính đến nhà ông Nguyễn Tấn Đại	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư nhà ông Nguyễn Tấn Đại đi Gò Cốc	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư (nhà ông Nguyễn Hữu Đính) đến Trường Hoàng Văn Thụ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Bình đến nhà ông Nguyễn Khắc Thành	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Phan Văn Thanh đến nhà ông Huỳnh Từ Ngọc Chấn	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>2.3</b>	<b>Khu dân cư mới thôn Triêm đứ</b>	1,0			
<b>2.4</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Xã Xuân Sơn Nam</b>				
<b>3.1</b>	<b>Đường ĐT641</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh huyện Tuy An đến Cầu bà Tâm	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu bà Tâm đến công Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi đến giáp thị trấn La Hai	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>3.2</b>	<b>Đường liên thôn: Đường ĐT641-Cầu sắt Tân Long</b>				
-	Đường Tân Vinh-Tân Long: Đoạn từ ĐT641 (nhà văn hóa Bưu điện) đến Cầu sắt Tân Long	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường Tân Phú-Tân Long: Đoạn từ ĐT641 (nhà bà Sen) đến Cầu sắt Tân Long	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn đường từ Tân Long (Trường Mẫu giáo Tân Long) đến Tân Hòa (nhà ông Lân)	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>3.3</b>	<b>Đường ĐT641-Bầu Năng</b>				
-	Đoạn từ cầu Tân Vinh đến nhà ông Đạo	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Đạo đến nhà ông Sửu	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>3.4</b>	<b>Đường giao thông nông thôn: Từ đường ĐT641 (cầu Chùa) đến cống ngầm</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>3.5</b>	<b>KDC mới thôn Tân Vinh</b>	1,0	1,0	1,0	
<b>3.6</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Xã Xuân Lãnh</b>				
<b>4.1</b>	<b>Đường ĐT641: (chia đoạn chưa phù hợp với bảng giá 2014)</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km0 (Mục Thịnh) đến cống thoát nước	1,2	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	(nhà ông Mang Thúi)				
-	Đoạn công thoát nước (nhà ông Mang Thúi) đến công thoát nước (nhà ông Bùi Xuân Triều)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công thoát nước (nhà ông Bùi Xuân Triều) đến công Bảy Phâm	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công Bảy Phâm đến Km7+000 (nhà máy Florit)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km7+000 (nhà máy Florit) đến Km9+020 (giáp xã Xuân Long)	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>4.2</b>	<b>Đường ĐT644</b>				
-	Đoạn từ cột mốc địa giới hành chính Xuân Lãnh-Đa Lộc đến Km33+600 (cầu Soi Thây)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km33+600 (cầu Soi Thây) đến Km34+450 (cầu Suối Kỳ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km34+450 (cầu Suối Kỳ) đến giáp ĐT641	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>4.3</b>	<b>Đường liên thôn</b>				
-	Đoạn từ ĐT641 đến chợ Mới (giáp nhà ông Nguyễn Sơn Tùng)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ chợ Mới (nhà ông Nguyễn Sơn Tùng) đến giáp đường ĐT644	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường ĐT644 đến công Trường Chu Văn An	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>4.4</b>	<b>Đường Lãnh Vân-Làng Đồng</b>				
-	Đoạn đường sắt Bắc Nam đến ngã ba gò Mã Đông	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba gò Mã Đông đến giáp xã Phú Mỹ	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>4.5</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>5</b>	<b>Xuân Sơn Bắc</b>				
<b>5.1</b>	<b>Đường ĐT642</b>				
-	Đoạn từ Km8+000 đến Km10+380 (cầu Cây Sung)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km10+380 (cầu Cây Sung) đến Km11+150 (nhà ông Đỗ Văn Năm)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km11+150 (nhà ông Đỗ Văn Năm đến dốc Đèo (nhà ông Phan Văn Núi)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ dốc Đèo (nhà ông Phan Văn Núi) đến Km12+500 (giáp thị trấn La Hai)	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>5.2</b>	<b>Đường giao thông nông thôn</b>				
-	Đoạn Từ đường ĐT642 đến chùa Đông Tròn (nhà bà Lê Thị Sương)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ chùa Đông Tròn (nhà bà Lê Thị Sương) đến đèo ông Tứ (nhà ông Võ Hữu Tâm)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đèo ông Tứ (nhà ông Võ Hữu Tâm) đến giáp Mỹ Long-An Dân-Tuy An	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ cổng văn hóa thôn Tân Bình đến xóm Gò (nhà ông Võ Hồng Sơn)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn đường đi qua khu dân cư xóm Gò (đoạn từ nhà ông Phan Đình Ba đến nhà ông Đỗ Văn Tân)	1,0			
<b>5.3</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>6</b>	<b>Xã Xuân Quang 3</b>				
<b>6.1</b>	<b>Đường ĐT642</b>				
-	Đoạn từ Km18+000 (đèo Ngang-giáp thị trấn La Hai) đến cầu Ông Dương	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Ông Dương đến cầu Trần suối Ré	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Trần suối Ré đến cầu Trần suối Bà Sào (giáp xã Xuân Phước)	1,3	1,0	1,0	1,0
<b>6.2</b>	<b>Đường Phước Lộc đến A20:</b>				
-	Đoạn từ ĐT642 đến Kênh N2	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Kênh N2 đến giáp xã Xuân Phước (gộp đoạn từ Kênh N2 đến cầu tràn Sông Con và đoạn từ cầu tràn Sông Con đến giáp xã Xuân Phước)	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>6.3</b>	<b>Đường liên xã Long Hà-Phước Lộc (từ nhà bà Trần Thị Thu Hiền đến giáp thị trấn La Hai)</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>6.4</b>	<b>Đường giao thông nông thôn</b>				
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Tạ Thị Bê) đến nhà Hồ Thị Nhung	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Mai Xuân Hùng) đến nhà Phạm Văn Tiến	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Lý Thu Cường) đến nhà Trần Minh Trung	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Huỳnh Thị Thông) đến suối Sâu	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Trần Vũ Đại) đến giáp đường Phước Lộc-A20	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Trần Văn Thọ) đến kênh N2	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Phan Văn Trương) đến Kênh N2	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Nguyễn Tri Phường) đến kênh N2	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Đỗ Nhơn) đến nhà Võ Thị Hương	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Đỗ Văn Trinh) đến nhà ông Xu	1,0			
-	Đoạn từ đường Phước Lộc-A20 (nhà Nguyễn T Kinh Thái) đến nhà Võ Thị Yên	1,0			
-	Đoạn từ đường Phước Lộc-A20 (nhà Nguyễn	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Khánh Quốc) đến nhà Trần Việt Hùng				
<b>6.5</b>	<b>Khu dân cư Thạnh Đức</b>	1,0			
<b>6.6</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>7</b>	<b>Xã Xuân Phước</b>				
<b>7.1</b>	<b>Đường ĐT642</b>				
-	Đoạn từ suối Bà Sào (giáp xã Xuân Quang 3) đến Km28+000 (cầu tràn thôn Phú Hội-Xuân Phước)	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km28+000 (Phú Hội) đến giáp xã Sơn Định-Sơn Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>7.2</b>	<b>Đường ĐT647</b>				
-	Đoạn từ Km0+000 (ngã ba Phước Hòa) đến Km2+550 (nhà ông Nguyễn Tấn Hiền)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km2+550 (nhà ông Nguyễn Tấn Hiền) đến Km3+800 (trại A20)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km3+800 (trại A20) đến giáp xã Xuân Quang 1	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>7.3</b>	<b>Đường liên xã</b>				
-	Đoạn từ ngã ba A20 đến địa phận xã Xuân Quang 3	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Phòng khám khu vực Xuân Phước giáp ngã tư Phú Hội	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Khu tập thể lâm trường cũ đến cầu Suối Tía	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đường Phú Xuân B-Đông Bò: Từ cầu ông Tư đến công hồ chứa nước Phú Xuân	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ĐT642 đi Cai Thăng (điểm cuối nhà ông Lê Văn Tiến)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường ĐT647 đi xóm Đông Bé-Phú Xuân B Xuân Phước	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường ĐT642 đi cây xoài (nhà ông Nguyễn Thắng)	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>7.4</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>8</b>	<b>Xã Xuân Quang 1</b>				
<b>8.1</b>	<b>Đường ĐT647</b>				
-	Đoạn từ giáp xã Xuân Phước đến cầu Trần dốc ông Thảo	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Trần dốc ông Thảo đến cầu Trần Suối Cối 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Trần Suối Cối 1 đến cầu ông Chung	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km16+000 đến Km32+000 (đoạn từ ruộng ông Ma Chiên đến Suối Tre ngôi làng Bà Đầu)	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>8.2</b>	<b>Đường La Hai Đồng Hội:</b> Đoạn từ giáp xã Xuân Quang 2 đến hết đường La Hai-Đồng Hội	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>8.3</b>	<b>Đường giao thông nông thôn</b>				
-	Đoạn từ nhà ông Trần Văn Lâu đến nhà Trần Thị Cây	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trường Mầm non xuân Quang 1 đến nhà ông Hồ Trọng Khanh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ chợ Sỏi Cối 1 đến nhà ông Phan Thế Vinh	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>8.4</b>	<b>Khu dân cư thôn Suối Cối 2</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>8.5</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>9</b>	<b>Xã Đa Lộc</b>				
<b>9.1</b>	<b>Đường ĐT644</b>				
-	Đoạn qua địa bàn thôn 3	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn qua địa bàn thôn 2, 4, 5	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn qua địa bàn thôn 1, 6	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>9.2</b>	<b>Đường giao thông nông thôn (BTCT)</b>				
-	Các đường giao thông nông thôn thuộc thôn 2, 4, 5	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các đường giao thông nông thôn thuộc thôn 3	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>9.3</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>10</b>	<b>Xã Phú Mỹ</b>				
<b>10.1</b>	<b>Đường ĐT647</b>				
-	Đoạn từ suối Cà Ton đến suối La Hiêng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ suối La Hiêng đến Dốc Ruộng (cuối thôn Phú Tiến)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ suối Mò O đến sông Bà Đài	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>10.2</b>	<b>Đường liên thôn</b>				
-	Đường nội thôn Phú Đồng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường nội thôn Phú Hải	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường nội thôn Phú Lợi	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>10.3</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA NƯỚC (2 VỤ)**  
(kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>I</b>	<b>Thành phố Tuy Hòa</b>				
1	Các phường thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>II</b>	<b>Thị xã Sông Cầu</b>				
1	<b>Vùng đồng bằng:</b> Các xã, phường	1,0	1,0	1,0	1,0
2	<b>Vùng miền núi:</b> Xã Xuân Lâm				
2.1	Áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp đường tuyến tránh Quốc lộ 1 (đoạn từ cầu Tam Giang mới đến cầu vượt)	1,0	1,0	1,0	1,0
2.2	Các thửa đất còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>III</b>	<b>Huyện Tuy An</b>				
1	<b>Xã đồng bằng:</b> Các xã, thị trấn	1,0	1,0	1,0	1,0
2	<b>Xã miền núi:</b> Các xã	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>IV</b>	<b>Huyện Phú Hòa</b>				
1	<b>Vùng đồng bằng:</b> Các xã, thị trấn	1,0	1,0	1,0	1,0
2	<b>Vùng miền núi:</b> Xã Hòa Hội	1,13	1,1	1,1	1,1
<b>V</b>	<b>Huyện Đông Hòa</b>				
1	Thị trấn Hòa Vinh	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Thị trấn Hòa Hiệp Trung	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Các xã trong huyện	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>VI</b>	<b>Huyện Tây Hòa</b>				
1	Vùng đồng bằng: Thị trấn Phú Thứ và 6 xã (Hòa Tân Tây, Hòa Đồng, Hòa Bình 1, Hòa Phú, Hòa Phong, Hòa Mỹ Đông)	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Vùng miền núi: 4 xã (Hòa Mỹ Tây, Hòa Thịnh, Sơn Thành Đông, Sơn Thành Tây)	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>VII</b>	<b>Huyện Sông Hinh (miền núi)</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
1	Các xã Sơn Giang, Đức Bình Đông	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>VIII</b>	<b>Huyện Sơn Hòa (miền núi)</b>				
1	Thị trấn Củng Sơn, xã Sơn Hà	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Xã Krông Pa (khu vực trạm bơm điện Buôn Lé bơm tưới), xã Suối Trai (khu vực công tự chảy của Hồ thủy điện tưới)	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Các xã còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>IX</b>	<b>Huyện Đồng Xuân (miền núi)</b>				
1	Thị trấn La Hai và các xã: Xuân Sơn Nam, Xuân Sơn Bắc, Xuân Quang 3, Xuân Phước	1,15	1,1	1,1	1,0
2	Các xã: Xuân Long, Xuân Lãnh, Đa Lộc, Xuân Quang 1, Xuân Quang 2, Phú Mỡ	1,1	1,1	1,0	1,0

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM  
(TRỪ ĐẤT TRỒNG LÚA NƯỚC 2 VỤ)**

*(kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của UBND tỉnh)*

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>I</b>	<b>Thành phố Tuy Hòa</b>				
1	Các phường thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>II</b>	<b>Thị xã Sông Cầu</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
1	<b>Vùng đồng bằng:</b> Các xã, phường	1,0	1,0	1,0	1,0
2	<b>Vùng miền núi:</b> Xã Xuân Lâm				
<b>2.1</b>	Đường Phạm Văn Đồng (áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với đường Phạm Văn Đồng)	1,0			
	Áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp đường tuyến tránh Quốc lộ 1 (đoạn từ cầu Tam Giang mới đến cầu vượt)	1,0			
<b>2.2</b>	Các thửa đất còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>III</b>	<b>Huyện Tuy An</b>				
1	<b>Xã đồng bằng:</b> Các xã, thị trấn	1,0	1,0	1,0	1,0
2	<b>Xã miền núi:</b> Các xã	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>IV</b>	<b>Huyện Phú Hòa</b>				
1	<b>Vùng đồng bằng:</b>				
a	<b>Thị trấn, các xã</b> (Hòa An, Hòa Thăng, Hòa Trị, Hòa Định Đông, Hòa Định Tây)	1,0	1,0	1,0	1,0
b	Xã Hòa Quang Nam, Hòa Quang Bắc	1,0	1,0	1,0	1,0
2	<b>Vùng miền núi:</b> Xã Hòa Hội	1,13	1,1	1,1	1,1
<b>V</b>	<b>Huyện Đông Hòa</b>				
1	Thị trấn Hòa Vinh	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Thị trấn Hòa Hiệp Trung	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Các xã trong huyện	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>VI</b>	<b>Huyện Tây Hòa</b>				
1	Vùng đồng bằng: Thị trấn Phú Thứ và 6 xã (Hòa Tân Tây, Hòa Đồng, Hòa Bình 1, Hòa Phú, Hòa Phong, Hòa Mỹ Đông)	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Vùng miền núi: 4 xã (Hòa Mỹ Tây, Hòa Thịnh, Sơn Thành Đông, Sơn Thành Tây)				
-	Xã Hoà Mỹ Tây	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Xã Hoà Thịnh	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Xã Sơn Thành Đông	1,3	1,2	1,1	1,0
-	Xã Sơn Thành Tây	1,0	1,1	1,1	1,0
<b>VII</b>	<b>Huyện Sông Hình (miền núi)</b>				
1	Các xã Sơn Giang, Đức Bình Đông, Đức Bình Tây, Ea Bia, Ea Bar, xã Ea Ly và thị trấn Hai Riêng	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Các xã còn lại	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>VIII</b>	<b>Huyện Sơn Hòa (miền núi)</b>				
	Các xã, thị trấn	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>IX</b>	<b>Huyện Đồng Xuân (miền núi)</b>				
	Các xã, thị trấn	1,15	1,1	1,1	1,0

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM***(kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của UBND tỉnh)*

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>I</b>	<b>Thành phố Tuy Hòa</b>				
1	Các phường thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>II</b>	<b>Thị xã Sông Cầu</b>				
1	<b>Vùng đồng bằng:</b> Các phường	1,0	1,0	1,0	1,0
2	<b>Vùng đồng bằng:</b> Các xã				
2.1	Đoạn từ Bắc cầu Tam Giang mới đến giáp ngã ba Triều Sơn (áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với Quốc lộ 1A)	1,0			
2.2	Đường ĐT642 (đoạn từ ngã ba Triều Sơn đến giáp ngã ba trong; áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với đoạn đường)	1,0			
2.3	Các thửa đất còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
3	<b>Vùng miền núi:</b> xã Xuân Lâm				
3.1	Đường Phạm Văn Đồng (áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với đường Phạm Văn Đồng)	1,0			
	Áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với đường tuyến tránh Quốc lộ 1 (đoạn từ cầu Tam Giang mới đến cầu vượt)	1,0			
3.2	Các thửa đất còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>III</b>	<b>Huyện Tuy An</b>				
1	<b>Xã đồng bằng:</b> Các xã, thị trấn	1,0	1,0	1,0	1,0
2	<b>Xã miền núi:</b> Các xã	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>IV</b>	<b>Huyện Phú Hòa</b>				
1	<b>Vùng đồng bằng:</b>				
a	<b>Thị trấn, các xã</b> (Hòa An, Hòa Thắng, Hòa Trị, Hòa Định Đông, Hòa Định Tây)	1,0	1,0	1,0	1,0
b	Xã Hòa Quang Nam, Hòa Quang Bắc	1,0	1,0	1,0	1,0
2	<b>Vùng miền núi:</b> Xã Hòa Hội	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>V</b>	<b>Huyện Đông Hòa</b>				
1	Thị trấn Hòa Vinh	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Thị trấn Hòa Hiệp Trung	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Các xã trong huyện	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>VI</b>	<b>Huyện Tây Hòa</b>				
1	Vùng đồng bằng: Thị trấn Phú Thứ và 6 xã (Hòa Tân Tây, Hòa Đông, Hòa Bình 1, Hòa Phú, Hòa Phong, Hòa Mỹ Đông)	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Vùng miền núi: 4 xã (Hòa Mỹ Tây, Hòa Thịnh, Sơn Thành Đông, Sơn Thành Tây)	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>VII</b>	<b>Huyện Sông Hinh (miền núi)</b>				
1	Các xã Ea Bar, Ea Ly, Sơn Giang, Đức Bình Đông, Đức Bình Tây, Ea Bia, Ea Trol và Thị trấn Hai Riêng	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Các xã còn lại	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>VIII</b>	<b>Huyện Sơn Hòa (miền núi)</b>				
	Các xã, thị trấn	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>IX</b>	<b>Huyện Đồng Xuân (miền núi)</b>				
	Các xã, thị trấn	1,15	1,1	1,1	1,0

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT***(kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của UBND tỉnh)*

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>I</b>	<b>Thành phố Tuy Hòa</b>				
1	Các phường thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã thuộc thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>II</b>	<b>Thị xã Sông Cầu</b>				
1	<b>Vùng đồng bằng:</b> Các xã, phường	1,0	1,0	1,0	1,0
2	<b>Vùng miền núi:</b> Xã Xuân Lâm	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>III</b>	<b>Huyện Tuy An</b>				
1	<b>Xã đồng bằng:</b> các xã, thị trấn	1,0	1,0	1,0	1,0
2	<b>Xã miền núi:</b> Các xã	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>IV</b>	<b>Huyện Phú Hòa</b>				
1	<b>Vùng đồng bằng:</b> Các xã, thị trấn	1,0	1,0	1,0	1,0
2	<b>Vùng miền núi:</b> Xã Hòa Hội	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>V</b>	<b>Huyện Đông Hòa</b>				
1	Thị trấn Hòa Hiệp Trung	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã trong huyện	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>VI</b>	<b>Huyện Tây Hòa</b>				
1	Vùng đồng bằng: Thị trấn Phú Thứ và 6 xã (Hòa Tân Tây, Hòa Đồng, Hòa Bình 1, Hòa Phú, Hòa Phong, Hòa Mỹ Đông)	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Vùng miền núi: 4 xã (Hòa Mỹ Tây, Hòa Thịnh, Sơn Thành Đông, Sơn Thành Tây)	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>VII</b>	<b>Huyện Sông Hinh (miền núi)</b>				
1	Các xã Sơn Giang, Đức Bình Đông, Đức Bình Tây, Ea Bia, và thị trấn Hai Riêng	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các xã còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>VIII</b>	<b>Huyện Sơn Hòa (miền núi)</b>				
	Các xã, thị trấn	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>IX</b>	<b>Huyện Đông Xuân (miền núi)</b>				
	Các xã, thị trấn	1,1	1,1	1,1	1,0

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**  
(kèm theo Quyết định số 072019/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên đường, đoạn đường	VT1	VT2
<b>I</b>	<b>Thành phố Tuy Hoà</b>		
1	Các phường thuộc thành phố	1,0	1,0
2	Các xã thuộc thành phố	1,0	1,0
<b>II</b>	<b>Thị xã Sông Cầu</b>		
	Vùng đồng bằng: Các xã, phường	1,0	1,0
<b>III</b>	<b>Huyện Tuy An</b>		
1	Xã đồng bằng: Các xã, thị trấn	1,0	1,0
<b>IV</b>	<b>Huyện Phú Hòa</b>		
1	Vùng đồng bằng: Các xã, thị trấn	1,0	1,0
2	Vùng miền núi: Xã Hòa Hội	1,0	1,0
<b>V</b>	<b>Huyện Đông Hòa</b>		
1	Thị trấn Hòa Hiệp Trung	1,0	1,0
2	Các xã trong huyện	1,0	1,0
<b>VI</b>	<b>Huyện Tây Hòa</b>		
1	Vùng đồng bằng: Thị trấn Phú Thứ và 6 xã (Hòa Tân Tây, Hòa Đồng, Hòa Bình 1, Hòa Phú, Hòa Phong, Hòa Mỹ Đông)	1,0	1,0
2	Vùng miền núi: 4 xã (Hòa Mỹ Tây, Hòa Thịnh, Sơn Thành Đông, Sơn Thành Tây)	1,0	1,0
<b>VII</b>	<b>Huyện Sông Hinh (miền núi)</b>		
	Các xã trên địa bàn huyện	1,0	1,0
<b>VIII</b>	<b>Huyện Sơn Hòa (miền núi)</b>		
	Các xã, thị trấn	1,0	1,0

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT LÀM MUỐI***(kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của UBND tỉnh)*

STT	Đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất	
		VT 1	VT 2
	<b>Thị xã Sông Cầu</b>		
	<b>Vùng đồng bằng</b>		
1	Xã Xuân Bình	1,0	1,0
2	Xã Xuân phương	1,0	1,0
3	Phường Xuân Yên	1,0	1,0
4	Xã Xuân Cảnh	1,0	1,0